

PHẬT TỔ THỐNG KÝ

QUYỂN 6

CHÍN TỔ Ở ĐÔNG ĐỘ

PHẦN 1

Tổ thứ 1: Vô Úy Luận Chủ, Long Thọ Tôn Giả, Nhất Tướng Đại Thiên Sư.

Tổ thứ 2: Kiên Lập Trung Quán, Bắc Tề Tôn Giả, Viên Ngộ Đại Thiên Sư.

Tổ thứ 3: Viên Chứng Pháp Hoa, Nam Nhạc Tôn Giả, Chỉ Quán Đại Thiên Sư.

Tổ thứ 4: Thiên Thai Trí Giả Pháp Không Thật Giác, Linh Tuệ Đại Thiên Sư.

Tổ thứ 5: Kết Tập Tông Giáo Chương An Tôn Giả, Tổng Trì Đại Thiên Sư.

Tổ thứ 6: Truyền Trì Giáo Quán Pháp Hoa Tôn Giả, Viên Đạt Đại Thiên Sư.

Tổ thứ 7: Truyền Trì Giáo Quán Đại Cung Tôn Giả, Toàn Chân Đại Thiên Sư.

Tổ thứ 8: Truyền Trì Giáo Quán Tả Khê Tôn Giả, Minh Giác Đại Thiên Sư.

Tổ thứ 9: Thiên Thai Ký Chủ, Kinh Khê Tôn Giả, Viên Thông Đại Thiên Sư.

Đạo của Phật và Tổ là lấy tâm truyền tâm, đâu cần phải đợi đến nói năng. Đến như kẻ đương Cơ được ấn khả thì phải nhờ trao nhận để làm cái nghi thức truyền đạo. Thế nên hai mươi bốn Tổ do Phật ký định đều đích thân nghe khẩu quyết, dùng để hiểu cái nhiệm mầu của tâm truyền. Song từ xưa nay để phân biệt chánh tà, nói rõ cảnh trí để biệt cái dụng của Tông nên mới lưu lại ngôn ngữ. Phàm từ khi kinh luận sang Đông độ giáo hóa khắp nơi, vì các Sư ở cõi nước này còn thương nhiều người chưa hiểu nổi, bèn chuyên về giảng nói. Để thông suốt tông này mà được Tiểu thừa quên mất Đại thừa, chấp cái Thiên mà bỏ sót cái Viên. Vì vậy tâm truyền sự nhiệm mầu mà rốt cuộc chưa được truyền bá rộng rãi. Đạo được thực hành cốt để sinh Thánh triết. Như Tôn giả Bắc Tề thì bẩm tánh tự nhiên đời trước không cần đợi thân thừa, thâm ngộ ý chỉ tức không, tức giả, tức trung của Long Thọ rồi lập làm Tâm quán để truyền lại cho ngài Nam Nhạc. Ngài Nam Nhạc tu nó mà tịnh được lục căn rồi trao cho ngài Trí Giả. Ngài Trí Giả nhờ nó mà ngộ Pháp Hoa. Lại mở mang nghiệp lớn nổi tiếng một nhà. Từng nói rằng: Truyền đạo là ở hành động mà cũng ở lời nói. Do đó mà căn cứ tóm tắt vào năm thời mở bày tám giáo. Bao quát hết các sách mà quy về Pháp Hoa, xuyên suốt năm chương để hiểu rõ đầu đê, chia bốn Thích để hiểu rõ văn cú. Lời giảng nói Giáo lý đã nói rõ thì ý chỉ của quán hạnh cũng phải sáng. Bèn viết ra một luận Chỉ Quán để nói về việc tu tập của tâm mình. Trước là dùng sáu chương để hiểu rõ, kế là dựa vào hiểu rõ đó mà lập hạnh, lấy hai mươi lăm pháp làm phương tiện, dùng quán pháp của mười thừa làm chánh tu, là nói ba ngàn Sự Lý tức cụ, chống dẹp cả trăm nhà, siêu vượt kim cổ, bèn là gốc minh giáo của thiên hạ. Lúc bấy giờ có Chương An đại Thiên sư sớm chuyên học rộng, lại do diệu ngộ, nhân sự giảng truyền ấy cầm bút viết lời, gom thành luận sơ làm quà tặng tốt lành cho hàng hậu học. Nhưng đời chỉ ham thích dị luận. Như ba thời năm giáo chuyên môn mà còn Thiên. Tuy đến bậc phát cơ nhưng mỗi vị đều có cơ sở truyền riêng. Cuối cùng chưa đủ để biết trước sau một đời giáo hóa của Phật. Đến cái tông cuối cùng Pháp Hoa thì mới biết các giáo quyền còn mãi khắp cõi Diêm-phù-đề. Đám Thích tử phần đông đều theo sách vở. Giả sử tông Thiên thai không có, thời giáo không được lưu truyền, quán đạo không được hiểu rõ, thì ắt rằng Phật pháp đã diệt mất. Ngài Chương An liền nối tiếp Đại Thống. Thế là Pháp Hoa lại truyền. Thời giảng Pháp Hoa có bảy trăm đồ chúng mà ngài Thiên Cung đã thật sự nổi nghiệp. Môn đồ của ngài Thiên Cung người cầu

đạo vô số, mà chỉ một mình Tả Khê nổi được nghiệp thầy. Pháp hội của ngài Tả Khê học chúng rất đông, cỡi xa gần cùng chen nhau tụ hội. Từ Pháp Hoa Tôn giả, ba đời đều nổi thể giữ văn, chuyên việc giảng nói mà thôi. Cho đến đời ngài Kinh Khê gặp thời ly loạn, lừa đảo trộm cướp phát sinh thì tiền tài và nghĩa khí không thể không nói đến; các ý kiến khác nhau của các Học giả mà bộ đã ghi thuật không thể không có chỉ nam vậy. Nêu rõ chánh tông để lại cho hậu thế. Công của Hoàng Tấn gan như sánh ngang với Chương An đó vậy. Vì tôn sư trọng đạo để kể đức ghi công nên soạn ra lời ký về chín Tổ ở Đông độ này.

Tổ thứ 1 (Cao Tổ): Long Thọ Tôn Giả

(Bản kỷ ngài là Tổ thứ mười ba của Tây Vực), kinh Nhập Lăng-già nói:

*Sau khi Phật diệt độ
Đời vị lai sẽ có
Tỳ-kheo Nam Thiên Trúc
Đạo hiệu là Long Thọ
Hay phá tông Hữu vô
Hiện rõ pháp Đại thừa
Được địa sơ Hoan hỷ
Sinh về nước An dưỡng.*

Lời khen rằng: Ngài Chương An nói ngài Trí Giả trong Quán Tâm Luận có nói: “Kính lạy Long Thọ sư” thì nghiệm biết Long Thọ là Cao tổ sư. Phụ Hành giải thích rằng: Ngài Trí Giả nên gọi Long Thọ là Tăng Tổ sư. Nếu gọi cao quý nhất là Cao, thì như các vua Hán Tề đều gọi Thỉ Tổ là Cao. Nghĩa là công đức vô thượng nên tôn thụy là Cao. Nay Tông này cũng xem Long Thọ là thỉ Tổ nên ngài Trí Giả gọi là Cao Tổ. Phạm việc truyền tâm tông để nổi thịnh dòng đạo thì người đời sau tôn trọng gọi chung là Tổ. Cho nên hai mươi bốn Thánh Kim Khẩu Tổ thừa đều gọi là Tổ cả. Về sau ở Trung Quốc ta chín Tổ nổi nhau cũng theo nghĩa này. Thế mới biết nay nói Cao là đúng cái nghĩa công đức vô thượng của ngài Kinh Khê nói, chứ không phải như tiếng gọi Cao Tăng của thế tục.

Tổ thứ 2: Bắc Tề Tôn giả Tuệ Văn

Ngài họ Cao, ở vào khoảng thời Ngụy Tề, đời Bắc Triều (nhà Đông Ngụy là Hiếu Tĩnh, nhà Bắc Tề là Văn Tuyên). Về người tu theo Phật đạo thì:

1. Minh sư, dùng nhiều về bảy phương tiện (Phụ Hành nói: E là bảy phương tiện của Tiểu thừa, từ ngài Trí Giả trở về trước chưa có ai lập bảy phương tiện của Viên giáo).

2. Tối sư, dùng tâm tánh tướng các pháp đều vô ngại.

3. Tung sư, dùng thuyết ba đời vốn không tới lui.

4. TỰ sư, dùng nhiều về tịch tâm.

5. Tạc sư, dùng nhiều về liễu tâm hay quán Nhất như.

6. Tuệ sư, dùng nhiều về đạo tâm, trong ngoài và khoảng giữa thì tâm đều không thể được.

7. Văn sư, dùng về giác tâm, Trùng quán Tam-muội, Diệt tận Tam-muội, Vô gián Tam-muội, đối với tất cả pháp tâm không hề phân biệt.

8. Tư sư, dùng nhiều về “Tùy tự ý, an lạc hạnh.”

9. Khái sư dùng ba thứ Chỉ Quán, tuy gọi là nối nhau nhưng ở pháp môn có đối khác.

Văn sư đã nương vào Đại Luận thì biết thứ này không phải được nối ở người trước (đây là dựa lời ghi của Phụ Hành, theo Cao Tăng Truyện thì ngài Nam Nhạc ngộ Pháp Hoa Tam-muội đến Tạc sư và Tối sư kể lại chỗ chứng của mình đều mong được tùy hỷ. Lại nói ngài Trí Giả thọ học với Tư sư, Tư sư theo học ở TỰ sư, TỰ sư thọ pháp của Tối sư. Nay biết rõ Tư sư vốn nối nghiệp Văn sư. Nay lại nói Tư sư theo học với TỰ sư. Thế mới biết các Sư tổ đồng thời phần nhiều đều truyền dạy lẫn nhau mà pháp môn có đối khác, người sau hơn người trước, vẫn không thể luận là nối nhau. Đến đời Bắc Tề thì các Sư tổ y luận mà lập Quán, từ đây mới có việc trao và nhận, trước sau không khác, thì mới có thể luận là Sư thừa.

Sư sớm theo Viên thừa có thiên chân riêng ngộ, nhân xem luận Đại Trí Độ (quyển 30) có dẫn Đại Phẩm nói rằng: Muốn lấy đạo chủng trí làm đầy đủ cho đạo chủng trí phải học Bát-nhã, muốn lấy đạo chủng trí làm đầy đủ cho Nhất thiết trí phải học Bát-nhã, muốn lấy Nhất thiết trí làm đầy đủ cho Nhất thiết chủng trí phải học Bát-nhã. Muốn lấy Nhất thiết chủng trí để đoạn dứt các phiền não và tập khí cũng phải học Bát-nhã. Luận tự hỏi: Trong một tâm thì được Nhất thiết trí, đạo chủng trí, Nhất thiết đạo chủng trí và đoạn dứt tất cả phiền não cùng tập khí, nay vì sao lại nói lấy Nhất thiết trí làm đầy đủ cho Nhất thiết chủng trí, lấy Nhất thiết chủng trí đoạn dứt tất cả tất cả phiền não và tập khí? Đáp rằng: Thật ra tất cả đều được cùng một lúc, nhưng ở đây muốn người tin Bát-nhã Ba-la-mật nên nói thứ lớp khác nhau. Vì muốn khiến chúng

sinh được tâm thanh tịnh nên nói như thế. Lại nữa, tuy trong một tâm mà được nhưng cũng có thứ lớp trước giữa sau. Như một tâm có ba tướng là sinh nhân duyên với trụ, nhân trụ duyên diệt. Lại như tâm, tâm số pháp bất tương ứng các hành và thân nghiệp, khẩu nghiệp thì lấy đạo trí làm đầy đủ cho Nhất thiết trí, lấy Nhất thiết trí làm đầy đủ cho Nhất thiết chủng trí, lấy Nhất thiết chủng trí để đoạn dứt các phiền não và tập khí cũng như thế...” Tổ sư đã căn cứ vào lời văn trên mà tu Quán tâm. Trong luận nói ba trí thật ra ở một tâm mà được. Và lại quả đã ở một tâm mà được thì nhân đâu lại có trước sau mà được. Cho nên khi Quán này thành thì một tâm chứng được ba trí, song vong song chiếu, liền nhập vào vị Sơ trụ Vô sinh nhẫn. Sư lại nhân đọc Trung Luận (một phẩm Trung Quán của Đại Trí Độ Luận) đến phẩm Tứ đế có kệ nói rằng: “Pháp do nhân duyên sinh, ta nói tức là không, cũng gọi là Giả danh, cũng gọi nghĩa Trung đạo” thì bỗng nhiên đại ngộ liền hiểu nhanh các pháp không thứ nào không do nhân duyên sinh ra. Mà các nhân duyên này thì có chẳng nhất định là có, không chẳng nhất định là không. Không và Có chẳng hai nên gọi là Trung đạo. Sư đã một mực dựa vào Thích Luận thế mới biết đã nối xa Tổ Long Thọ. Sư ở đời Cao Tề (Phụ Hành gọi là Tề Cao Tổ. Nay mới rõ là Cao Hoan làm Tướng quốc của Đông Ngụy được phong làm Tề Vương, đến con là Dương mới được Ngụy nhường ngôi, đó là Văn Tuyên, bèn truy thụy cho Hoan là Cao Tổ. Căn cứ vào lúc ấy còn gọi là Đông Ngụy. Tụ họp các đồ chúng hàng trăm ngàn người chuyên tu về Đại thừa. Chỉ có mình ngài hoàng pháp ở vùng sông Hoài mà thôi. Pháp môn mà ngài chứng nhập đời không thể biết được. Đám học giả ngưỡng mộ cho là đạo đức của ngài cao dày như trời che đất chở không thể biết được. Sư Tổ đã dùng Tâm Quán mà khẩu truyền lại cho ngài Nam Nhạc. Ngài Nam Nhạc hoàng hóa rất thanh hành ở phương Nam, còn đám học trò của Sư ở phương Bắc thì không nghe có ai cả (thấy ở Chỉ Quán, Phụ Hành, Tống Nguyên Lục, Cửu Tổ Lược Truyện).

Lời khen rằng: Ngài Bắc Tề có cái tư thế của bậc Thượng triết, riêng ngộ Trung quán mà các Sư đương thời không sánh được, không phải các Sư Minh, Tối, Tung, Tạc biết được. Đã dùng khẩu quyết để truyền pháp cho Nam nhạc, nhưng môn đồ ở đất Bắc không có ai hoàng truyền, là bởi vì thời Cao thị là một chuỗi ngày buồn vì nước loạn, nên đạo này không sáng tỏ ở đấy. Các Truyền Tăng ở Nam Sơn vì bỏ sót nên không ghi chép, cũng há không có người khảo xét ư? Ngài Từ Vân

nói: Có được đoạn văn “một tâm ba trí” của Tổ Long Thọ rồi dựa vào Luận mà lập Quán, ở đây mà tự ngộ, há bảo rằng không có Tổ sư ư?

Tổ thứ 3: Nam nhạc Tôn giả Tuệ Tư

Ngài họ Lý, là người ở huyện Võ tân, phía Nam đất Dự châu, đời Nguyên Ngụy (Nam Nhạc Nguyên Văn, ngài tự viết tựa rằng: Sinh ngày mười một tháng mười một năm Ất Mùi tại huyện Võ tân, phía Nam đất Dự Châu, nước Ngụy). Lúc còn bé nằm mộng thấy Phạm tăng khuyên nên vào đạo hoặc thấy bè bạn đọc kinh Pháp Hoa. Tánh tình rất ham thích đọc kinh pháp. Nhưng khi mượn được bản văn thì ở nơi vắng vẻ mà xem một mình, không người dạy dỗ, buồn khóc đêm ngày. Lại cho rằng nơi mộ hoang không phải là nơi người ở, nên dời về Cổ thành và khoét hang mà nương thân. Ngày thì đi khát thực, đêm không lo việc ngủ nghỉ, thường đối kính mà rơi lệ lạy mãi không thôi. Nhân mưa nhiều mất hơi nóng nên cả người bị phù thũng, nhưng nhẫn lòng chú ý mãi vào kinh thì bệnh liền tiêu mất. Lại nằm mộng thấy Đức Phổ Hiền cõi bạch tượng vương đến xoa đầu rồi bỏ đi, thì các văn xưa chưa hiểu nay tự nhiên hiểu rõ. Chỗ xoa đầu của ngài Phổ Hiền trong mơ nay hiện lên một nhục kế.

Năm mười lăm tuổi (Năm Vĩnh An thứ hai đời Ngụy Trang Đế) ngài xuất gia thọ giới Cụ túc, dứt hẳn việc đời, chuyên tụng Pháp Hoa. Mỗi ngày chỉ ăn một bữa không nhận lời thỉnh riêng. Am ngài ở có người què đến đốt phá liền mắc bệnh nặng nhưng đến ngài cầu xin hối lỗi thì liền lành bệnh. Ngài cất lại thảo am và tụng kinh như xưa. Ngài lại nằm mộng thấy có vị Tăng bảo rằng: “Người trước đây thọ giới tác pháp chưa đúng thì đâu thể mở mang chánh đạo được.” Liền thấy có bốn mươi hai vị Tăng làm lễ Yết-ma thêm nên giới pháp đầy đủ (bốn mươi hai Tăng tức bốn mươi hai ngôi vị từ Sơ trụ đến hết Diệu giác. Đây là tiêu biểu cho ngài Nam Nhạc sẽ giữ sáu căn thanh tịnh mà nhập vào Thập Tín của Viên giáo, vì đó là bốn mươi hai ngôi vị Đại sĩ và Chân tăng diệu giác làm gia pháp để chứng đắc). Khi tỉnh dậy ngài càng cố gắng chuyên tu. Lại có lần mộng thấy các Phật Di-đà và Di-lặc nói pháp cho nghe. Lại thấy cùng các bạn hiền theo ngài Di-lặc cùng hội Long hoa. Cảm kích cho là việc phi thường nên càng hết mực tinh tấn hơn. Năm ngài hai mươi tuổi (nhằm đầu năm Thiên Bình đời Đông Ngụy Hiếu Tĩnh) nhân đọc kinh Diệu Thắng Định thấy có bài khen thiên định, bèn khắp theo học với các bậc Thiên đức về Ma-ha-diễn. Ngài thường ở chốn đồng nội rừng núi mà kinh hành tu thiền.

Về sau ngài gặp sư Tuệ Văn để xin thọ khẩu quyết, Sư truyền cho ngài pháp Quán tâm. Từ đấy ngày thì theo đuổi việc Tăng, đêm thì tọa thiền suốt sáng. Chỉ hai mươi mốt ngày thì mới phát chút ít yên tĩnh, quán thấy các tướng nghiệp thiện ác trong một đời, ngài càng cố gắng mạnh mẽ hơn, bỗng các Thiền chướng nổi lên khiến tứ chi mỗi rời thân không theo ý nữa. Ngài liền tự quán sát bệnh của ta đây đều do nghiệp sinh ra, mà nghiệp do tâm khởi vốn không ngoại cảnh, thấy xét lại nguồn tâm thì nghiệp không thể được, bèn huy động cả tám xúc phát hiện ra căn bản thiền (nặng nhẹ, lạnh nóng, rít, trơn, nhuyễn thô đó là tám xúc). Nhân thấy rõ dấu vết ba đời hành đạo. Nhập hạ xong nhận tuổi sắp muốn lên giảng đường bèn cảm thán rằng: Thuở xưa khi Phật còn tại thế, sau chín mươi ngày mãn hạ thì kẻ chứng đạo rất đông, nay ta đối nhận tuổi pháp mà trong lòng rất hổ thẹn. Định ngã mình tựa vách thì hoát nhiên đại ngộ chứng được Tam-muội Pháp hoa. Từ đó trở đi, các kinh dù chưa nghe nhưng không còn nghi lại tự hiểu rõ. Đến năm Võ Định thứ sáu đời Đông Ngụy (ngài ba mươi bốn tuổi), ngài ở tại duyên châu Hà nam cùng chúng nghị luận thì bị một ác Tỳ-kheo bỏ chất độc suýt chết rồi sống lại. Đến năm đầu Thiên Bảo đời Tề (ngài ba mươi sáu tuổi) thường ở tại Hà nam học tập Đại thừa luôn gài gửi các bậc Đại thiền sư và thường du hành đến các quận. Năm này quan Thứ sử muốn đưa Sư về đất Nghiệp (kinh đô của Tề Văn Tuyên). Sư có ý muốn đi về phía Nam, bèn rời chúng mà vượt qua sông Hoài. Khi ấy vua mời các Thiền sư trong nước vào nội đài để cúng dường (Nam Bắc Triều thường gọi triều đình là nội đài). Sư dùng phương tiện từ chối không đến. Năm Thiên Bảo thứ tư, ngài đến Dĩnh châu giảng nói nghĩa Ma-ha-diễn cho Thứ sử Lưu Hoài Bảo. Các ác Luận sư dùng thuốc sinh kim bỏ chất độc trong thức ăn, mạng sắp đứt, Sư nhất tâm niệm Bát-nhã Ba-la-mật thì chất độc liền tiêu mất. Năm Thiên Bảo thứ năm, Sư đến chùa Khai nhạc ở Quang châu, Ba Tử lập năm trăm nhà cùng quan Thứ sử thỉnh ngài giảng kinh Ma-ha-diễn Bát-nhã. Năm Thiên Bảo thứ sáu, Sư ở núi Đại tô thuộc Quang châu giảng Ma-ha-diễn (Đông Pha Tập, cách bốn mươi dặm ở phía Nam huyện Quang sơn, núi Đại tô ở phía Nam, núi Tiểu tô ở phía Bắc, có chùa tên Tịnh cư. Trong năm Thiên Bảo nhà Tề, Tư Thiền sư có qua đây. Thấy các bậc phụ lão thì hỏi họ gì, đáp là họ Tô. Lại hỏi tên hai núi thì than rằng: Thầy ta bảo gặp ba Tô thì dừng lại, bèn ở đấy cát am, nhưng các phụ lão lại cũng không thấy đâu, bởi lẽ đó là Thần núi. Sau đó Khải Thiền sư đến gặp ngài bèn được pháp).

Năm Thiên Bảo thứ bảy, ngài ở chùa Quan ấp tại thành Tây giảng về Ma-ha-diễn, có nhóm ác luận Sư tranh nhau muốn hại ngài. Ngài thệ nguyện làm ba chữ vàng Bát-nhã Kinh hiện ra vô lượng thân khắp các cõi nước mười phương giảng nói kinh ấy. Khiến các ác Luận sư đều được tín tâm trụ bậc Bất thoái chuyển. Năm Thiên Bảo thứ tám, ngài đến phía Nam Định châu, giảng Ma-ha-diễn cho Thứ sử. Có nhóm ác luận sư tranh nhau khởi ác tâm ngăn các thí chủ không cho cúng thức ăn nữa. Suốt năm mươi ngày ngài thường sai đệ tử khát thực để nuôi sống. Lúc đó lại phát nguyện quyết định thề tạo ra chữ vàng Bát-nhã rồi vì chúng giảng nói suốt chín năm ở núi Đại tô, khuyến bảo mọi nơi cần nên tạo kinh. Bỗng có một Tỳ-kheo tên là Tăng Hạp tự nói: Tôi có thể tạo kinh, đã được kinh đầu thì có thể giáo hóa trong vùng được tiền thì mua vàng. Ở chùa Tề quang huyện Quang thành tạo ra hai bộ Đại Phẩm Kinh Bát-nhã và Pháp Hoa chất đầy một hòm báu. Lại tự thuật một thiên Nguyên Văn để ghi nhớ việc ấy. Nguyên vào thời Phật Di-lặc ra đời thì thân mình và kinh này xuất hiện cùng lúc để giáo hóa rộng khắp tất cả, lại bảo rằng: Thế gian đạo tục ân cần thỉnh giảng hoặc cưỡng ép khiến giảng đầu là ác tri thức. Lúc đầu giống như có lòng tốt về sau thì giận hờn. Bao nhiêu người học đều xem như oan gia giả làm thân thiết cũng không thể tin. Các vua Sát-lợi cũng như thế. Chọn - Chọn - Chọn - Chọn (hai ngài Pháp Trí và Từ Vân đều nói Chu Lăng bốn chọn là thế. Tức đạo tục khuyến giảng, cưỡng ép khiến giảng, kẻ học giả thân thiết, các vua Sát-lợi bốn loại như thế đều cần phải chọn lựa. Văn trên đều thấy ở Nguyên Văn của ngài Nam Nhạc). Danh ngài càng vang xa, người học ngày càng đông, nên số chúng lẫn lộn cả tinh thô, phải quấy càng nhiều. Bèn nhắc nhở đồ chúng rằng: Khi Phật còn tại thế ngài còn không khỏi việc lưu ngôn, huống chi ta là kẻ vô đức đâu thể bỏ lời trách này. Trách rằng việc làm ở kiếp trước đến thời này phải chịu báo đây là việc riêng. Nhà Tề sắp đổ, Phật Pháp tạm thời tối tăm (sau Tề bị nhà Chu diệt, Chu Võ Đế dẹp bỏ hai đạo Phật và Lão), phải tìm đến phương nào để tránh nạn này. Bỗng nghe trên không trung có tiếng bảo rằng: Nếu muốn tu Định thì đợi qua đời Chu Võ sẽ đến núi Nam nhạc. Ngài dùng dằng ở Quang châu. Lúc đó ngài sang quận gần bên để thuyết giảng cho chúng suốt mười bốn năm. (Năm Thiên Bảo thứ năm ngài đến Quang châu, năm Quang Đại thứ hai Nhà Trần, ngài vào Nam nhạc, trước sau mười bốn năm). Quang Châu thời Trần Tề coi là biên giới, nên phong hỏa đài thường đốt mãi là chỗ chúng không lo sợ. Đến năm Quang Đại thứ hai nhà Trần, ngài vào ở Nam nhạc, bảo

học trò rằng: Ta tạm ở núi này trong mười năm, sau đó tắt đi chơi xa (Ngài vào Nam nhạc đến năm Đại Kiến thứ chín, quả đúng mười năm thì mất). Trước đấy có Cao Tăng Hải Thiên sư thuộc nhà Lương đã ở đó, chỉ mới gặp nhau một lần mà như bạn quen biết cũ, liền để núi ấy cho Sư hành đạo. Một hôm Sư lên ngọn Chúc Dung. Thần núi đang đánh cờ, Thần chào Sư và hỏi: Vì sao ngài đến đây? Sư đáp: Xin thí chủ một miếng đất để trải tọa cụ. Thần đáp: Được. Sư bèn quăng cây tích trượng bay đi định chỗ (nay là chỗ chùa Phước nghiêm). Thần bảo: Ngài đã chiếm hết đất phước, đệ tử còn biết ở đâu? Sư bèn lăn một hòn thạch cổ, hòn đá chạy xuống gặp đất bằng thì dừng lại (nay tượng của Nhạc Quân vẫn còn ngồi trên thạch cổ). Thần núi xin thọ giới, ngài bèn nói pháp yếu cho nghe. Một hôm Sư bảo Thần núi rằng: Ngày nọ ta có nạn thí chủ cũng sẽ có nạn. Sư chỉ dưới gộp đá nói: Đời thứ mười một ta từng ngồi thiền ở đây và bị giặc chặt đầu. Đào tìm thì gặp một đồng xương khô (nay là Nhất Sinh Nham ở Phước Nghiêm Tự). Khi đến góc Tây Nam, Sư chỉ một hòn đá lớn bảo: Đời thứ hai ta cũng từng ở đây. Liền nhặt lấy đầu lâu xây tháp để báo ân tu đời trước (nay là Nhị Sinh Tháp). Lại đến một chỗ um tùm bảo rằng: Đây ngôi chùa xưa, đời thứ ba của tôi đã từng sống nhờ trên đất này. Nhân đó ngài chỉ người đào lên, quả nhiên có nhiều mảnh vỡ của đồ Tăng dụng và nền nhà cũ. Ngài liền xây dựng ở đấy một đền đài để giảng nói kinh Bát-nhã (nay là Tam Sinh Tàng). Chúng khổ vì thiếu nước dùng, Sư liền lấy gậy cắm vào sườn núi, hồ nhân đó cào đất và suối từ đất phun nước lên (nay chính là suối Hồ Bào). Năm Đại Kiến thứ nhất, có một Đạo sĩ ở Cửu Tiên Quán là Âu Dương Chánh Tắc thấy núi có khí lành bèn mưu bàn với chúng rằng: Khí này chủ về Hạng Y Pháp Vương, nếu họ thành thì pháp ta phải suy, bèn đục mất tim núi rồi đóng đinh vào đá để trừ ếm (lời chú này thấy ở quyển 3 của Tụng Tắc Chí) và chôn binh khí trên núi. Nhân đó đối tâu vua rằng: “Bắc Tăng bị nhà Tề mua chuộc nên làm thế!” Vua Tuyên Đế sai Sứ đến khảo nghiệm. Lúc mới qua khỏi cầu đá thì có hai con hổ gầm thét khiến sứ giả kinh hồn rút lui. Đến sáng hôm sau lại tiến đến. Sư bảo: Thí chủ hãy đi trước, bản đạo sẽ đến sau. Nhưng đã hơn bảy ngày mà Sứ giả chưa đến. Ngài bèn phi tích trượng đến Kim Lăng, cả bốn cửa Cung đều thấy Sư vào. Bảy giờ Sứ giả mới đến. Bèn cùng vào yết kiến. Vua đang ngồi trên điện thấy Sư từ trên không hạ xuống, Phạm tướng khác thường, kinh sợ biết là Thần, không dám hỏi câu nào. Vị Đạo sĩ đặt điều vu cáo, vua liền ra lệnh trị tội. Tôi đáng chém đem bỏ ngoài chợ. Sư xin rằng: Ý bản đạo không muốn giết

người xin thả cho về núi sai hầu hạ Tăng chúng cũng đủ trị tội chút ít rồi. Vua chấp thuận, bèn sai hữu ty đúc sắt làm mười bốn bằng khoán sắt ghi tên mười bốn Đạo sĩ trên đó đầy đủ. Rồi ban sắc ấn bảo theo Sư về núi. Khi Sư sắp đi vua tiễn biệt rất trọng thể, gọi là đại Thiên sư, tên Tư Đại là bởi có việc này. Lúc đầu vua sắc lệnh cho ngài ngụ tại chùa Thê huyền. Ngài thường đến tinh xá Ngõa Quan, gặp mưa không ướt, đi bùn không dơ. Có vị Tăng chánh là Tuệ Cảo gặp các việc đó bèn than rằng: Người này sao mà thần dị đến thế! Từ đó cả triều kẻ đạo người tục hết lòng quy ngưỡng. Có đại đô đốc Ngô Minh Triệt thường khi thân cận luận đạo muốn dâng cúng cho ngài một chiếc gối bằng sừng tê giác nhưng chưa dám nói ra. Sư bảo: Muốn cho ta gối thì được. Minh Triệt hết sức kinh dị. Khi Sư trở về núi nói pháp như xưa, chúng Đạo sĩ lấy cơ già bệnh xin cúng một số mảnh ruộng của hương hỏa để chuộc tội vì già yếu không hầu hạ được. Sư bảo: Muốn để ruộng lại là tùy theo ý nguyện của các ông.

Nhân đó gọi là Lưu Điền Trang (tục gọi là Đạo sĩ Thục Thân Trang). Số thiết khoán nhà vua ban cho đều thu lại cất đi và khắc bia ghi rõ sự việc này. Nói rằng: “Hoàng đế nhà Trần có ban cho Nam nhạc Tư Đại Thiên sư đã hàng phục Đạo sĩ một số thiết khoán ký.” Lúc đó các đạo sĩ cùng lén thề rằng: “Vì đời này do sức thần thông và thế lực của vua quan nên đành chịu thua, hẹn năm trăm năm sau ta sinh vào pháp ông mà phá tan pháp ông.” Sư cũng dự ghi rằng: Các đạo sĩ này phá hoại ta không được, một ngày kia sẽ mặc áo ca-sa vào ở Già-lam của ta mà phá hoại di thể ta vậy (thời vua Tống Thái Tông có vị đại thần ra trấn giữ Hồ nam đi ngang qua núi này đến xem các di tích, bảo vị Tăng chủ rằng: Ngày sau các Đạo sĩ đắc chí sẽ lại báo thù. Vậy nên chôn bia đá, đổi tên trang trại. Khiến không còn dấu vết để tìm kiếm. Nhân đó đổi tên là Thiên Trúc Trang và lấy bia khoán đem chôn ở viện Tam sinh tàng. Khoảng năm Đại Quan, Đạo sĩ Lâm Linh Tố sàm tấu, được vua nghe cho dời văn vật để làm rõ việc này. Vì không có dấu vết để khảo tìm bèn thôi. Đầu năm Càn Đạo, có Kiệt Chỉ Am đến làm chủ núi này. Bảo chúng rằng: Nhị sinh tháp đã bị dây leo phủ kín, khó bề chiêm lễ. Vậy nên dời tháp đến thờ chung với Tam sinh tháp. Bởi Kiệt định chỗ đất ấy sẽ xây tháp cho mình. Liền cùng mười bốn người chấp sự dự bị dao búa để đập phá khám đá, thì thấy linh cốt ánh sắc vàng ròng, có bản đá khắc tên Âu Dương Chánh Tắc, các tên, chuyển báo nay làm chủ Am, tri sự và các người giúp việc thì so với tên ngày nay không sai chút nào. Toàn chúng đều kinh sợ. Chiều đó miếu Thần núi

cũng bị phá tan. Các quan châu huyện nghe biết liền cho bắt gấp, nhưng bọn Kiệt đều trốn thoát. Đồ chúng trong chùa đem chôn cất hài cốt ngài. Về sau Kiệt ở núi khác. Mỗi khi thăng tòa đều đối đại chúng tự hối lỗi cầu mong tránh được quả báo sau này.

Thuật rằng: Ngài Nam Nhạc cách đây đã bảy trăm năm mà việc sư Kiệt quả nhiên ước đúng lời thề riêng Sư cùng Thần núi quả có tai nạn phù hợp với lời ký trước. Lạ thay! Song việc sư Kiệt tuy nhân có lời thề ác, mà cuối cùng lại trở về với Thích chủng do bỏ duyên ác. Đây đủ để nói rõ công năng hóa đạo của ngài Nam Nhạc.

Khi Sư sắp viên tịch, Sư liền tập họp đông đảo các môn đồ thuyết pháp suốt ngày này đến ngày khác, khẩn thiết quở trách những người nghe pháp còn hờ hững. Ngài nói: Nếu có mười người không tiếc thân mạng luôn tu Pháp Hoa, Niệm Phật Tam-muội, Phương Đẳng, Sám Hối thường ngồi khổ hạnh... thì tùy chỗ cần dùng, ta sẽ tự cúng dường hầu hạ, nếu không có những người ấy thì ta sẽ đi xa. Vẫn không có ai đáp lời, ngài bèn cho chúng lui ra và nhiếp niệm. Khi sắp viên tịch có đệ tử là Linh Biện bất giác gào khóc. Sư liền quở: Ác ma hãy đi ra ngay! Thánh chúng đến đón, đang bận chỗ thọ sinh, cơ sao lại làm kinh động ta? Liền ngồi thẳng bảo là Phật đến rước rồi chấp tay viên tịch. Dung nhan ngài vẫn như người sống, mùi hương lạ đầy nhà. Bấy giờ là ngày hai mươi hai tháng sáu năm Đại Kiến thứ chín, tuổi đời sáu mươi ba, tuổi hạ bốn mươi chín. Khi xưa lúc ở Đại Tô ngài phó pháp cho sư Khải. Sau này sư Khải thường thay ngài giảng Bát-nhã đến chỗ “Nhất tâm có đủ muôn hạnh” chợt có điều nghi. Tổ nói: Như điều nghi của ông chính là ý thứ lớp của Đại Phẩm, chưa phải là ý chỉ của Pháp Hoa Viên Đốn. Xưa ta ở trong Hạ nhất niệm chứng ngay các pháp hiện tiền. Ta đã thân chứng mà không có điều nghi chi. Sư Khải hỏi: Chỗ chứng ấy là Thập địa chẳng? Đáp: Ta một đời chỉ trông mong ở Đồng Luân (Thập Trụ Viên giáo) vì sớm thống lãnh đồ chúng mà tổn mình để ích người, nên chỉ ở Thiết Luân (Sư được sáu căn thanh tịnh tức Thập Tín Viên giáo, ba mươi tâm của Biệt giáo Hoa Nghiêm Phạm Hạnh là ở Vị Anh Lạc Thiết Luân). Thân tướng của Sư rất đỉnh đặc nghiêm trang, vành tai đôi, trên đầu có nhục kế, dáng trau đi trước voi bước không dựa không xiêu. Từ xưa, để ngự hàn ngài chỉ dùng một áo vải thô (kinh Pháp Hoa nói: Mặc nạp y ở chỗ yên vắng. Luật văn, nói về năm nạp y tức là thọ nhận năm thứ cũ xấu để làm y vậy). Đồ thù thù bông tơ tất cả đều không dùng. Chỗ ngài ở các điếm linh hiện ra vô số, vật cúng cho ngài luôn trang nghiêm đầy đủ, nước tự đầy bình, vì có các thiên đồng luôn hầu hạ hoặc

hiện ra hình lớn bé hoặc yên lặng ẩn thân. Về các mùi hương lạ và các dấu vết kỳ bí không thể kể xiết.

Ngài thường dạy chúng rằng: Nguồn đạo vốn không xa, tánh Hải thật rất gần, chỉ nên tìm cầu ở mình không thể tìm cầu ở người khác. Tìm liền không được, dù được cũng không phải thật. Lại nói kệ rằng:

*Đốn ngộ tâm nguyên mở kho báu
Ẩn hiển linh không thấy chân tướng
Riêng mình đi ngòi luôn ngay thẳng
Trăm ức hóa thân vô số kể
Dấu cho đầy ấp cả hư không
Lúc xem không thấy tướng vi trần
Đáng cười vật kia không gì sánh
Miệng nhả minh châu sáng lầu lầu
Tìm thường thấy nói khó nghĩ bàn
Một tiếng nêu tên ngay lời nói.*

Lại nói kệ rằng:

*Trời không thể che, đất không thể chở
Không đi không đến không chướng ngại
Chẳng ngắn chẳng dài chẳng xanh vàng
Không hề ở giữa hay trong ngoài
Siêu quần xuất chúng rộng mênh mông
Chỉ vật truyền tâm người không hiểu.*

Những trước thuật của ngài phần lớn đều khẩu truyền. Các môn đồ chép lại thành chương cú, nêu ra bốn mươi hai tự môn, như: Vô Trách Hạnh Môn, Đại Thừa Chỉ Quán thì mỗi bộ gồm hai quyển. Các bộ Thích Luận Huyền, Tùy Tự Ý, An Lạc Hạnh, Thứ Đệ Thiên Yếu, Tam Trí Quán Môn... mỗi bộ một quyển (rút chung từ Nam Nhạc Nguyễn Văn, Thiết Khoán Ký, Nam Sơn Tục Cao Tăng Truyện, Truyền Đăng Lục nói rằng: Chí Công khiến người bảo Sư Tư rằng: “Vì sao không xuống núi giáo hóa chúng sinh?” Sư đáp: “Cả ba đời chư Phật đủ cho ta nuốt ực một cái, còn có chúng sinh đâu mà giáo hóa?” Nay khảo sát lại Nam Nhạc Nguyễn Văn, trong bài tựa ngài tự nói về năm sinh của mình thì đó là năm Thiên Giám thứ mười bốn, đời Lương Võ Đế, đến năm Quan Đại thứ hai đời Trần, ngài mới đến núi Nam nhạc, lúc đó ngài năm mươi bốn tuổi, Chí Công đã nhập diệt vào đời Lương Võ Đế rất lâu xa, tất không có việc hỏi này. Nay e là một vị Sư khác mà người sau lầm truyền là Chí Công).

Lời tán rằng: Ngài Nam Nhạc đã nối tiếp từ Bắc Tề về đạo Nhất

tâm tam quán rồi truyền lại cho Thiên thai. Đó là công nghiệp lớn không gì hơn được. Cho nên ngài Chương An có nói rằng: Tư Thiền sư được coi là ngọn núi Tung cao ngất, hạnh sâu y lạc (dụ cho hạnh cao sâu), mười năm thường tụng, bảy năm Phương đẳng, ngồi suốt chín tuần, một thời Viên Chứng (thấy ở Thiên Thai Biệt Truyện). Việc tu hành của Sư đã rất chuyên cần. Đến khi ngộ Pháp Hoa Tam-muội khai thác nghĩa môn thì thời Bắc Triều chưa biết được. Cho nên ngài Kinh Khê cũng nói rằng: Tuệ Văn Thiền sư chỉ nêu ra chỗ thấy nghe về nội quán mà thôi (thấy ở Chỉ Quán Đại Ý) có thể không tin sao?

Tổ thứ 4: Thiên thai Trí Giả

Ngài Trí Khải, tự Đức An, họ Trần, đã nhiều đời ở Dĩnh xuyên. Đến triều nhà Tấn lánh loạn ngụ tại Hoa dung ở Kinh châu (nay là huyện Công an, phủ Giang lăng). Cha là Khởi Tổ. Thời Lương Nguyên Đế làm chức Tấn kỵ thường thị được phong tước Ích Dương hầu, mẹ là Từ Thị nằm mộng thấy khói thơm năm màu quyện bay vào lòng. Lại có lần mộng thấy nuốt con chuột trắng, nhân đó biết mình có thai. Thấy bói bảo: Chuột trắng chính là rồng hóa ra.

Vào đêm Tổ sinh thì ánh thần quang sáng rực (năm Đại Đồng thứ tư. Mậu Ngọ đời Lương Võ Đế) hàng xóm trông thấy tưởng lửa cháy, đến nơi mới biết là sinh con, mọi người đều kinh dị, trong ngoài khen ngợi. Định bày nhang đèn bánh trái để tổ chức tiệc mừng thì lửa tắt nước lạnh khiến việc không thành. Sáng đến có hai vị Tăng gõ cửa nói rằng: “Đứa bé này đạo đức hun đúc tất sẽ xuất gia”, nói xong thì biến mất. Sư có lông mày tám màu (Đế Vương Thế Kỷ nói vua Nghiêu đến mười bốn tháng mới sinh lông mày có tám màu), mắt sáng con người đôi (Hán Thư Hạng Vũ Tán nói vua Thuấn có con người đôi) có tướng của bậc Đế vương xưa. Cha mẹ bỗng ảm thương dấu kín không cho người thấy. Khi nằm trong tả thường chấp tay, khi ngồi mặt luôn xây về hướng Tây. Đến bảy tuổi thường thích đến chùa, nhờ chư Tăng dạy đọc miệng phẩm Phổ Môn chỉ đọc một lần thì thuộc lòng.

Năm mười bảy tuổi, đời Lương Nguyên Đế, Giang Lăng bị thất thủ (Lương Nguyên Đế, xưa được phong làm Sương Đông Vương là con thứ bảy của Lương Võ Đế, Giản Văn Đế bị Hầu Cảnh giết, Nguyên Đế lên ngôi đóng đô ở Giang lăng ba năm chín tháng, rồi bị Tây Ngụy phá. Căn cứ theo lịch mà suy ra thì ứng với năm mười bảy tuổi. Các truyện khác nói mười lăm tuổi là lầm) thân thuộc ly tán Sư ở Trường sa đến trước tượng Phật nguyện làm Sa-môn (thời Tấn Hiếu Võ Đế, ở phía Bắc

thành Giang lăng thấy có ánh sáng năm màu Sa-môn Đàm Dực nhật ở đây một tượng Phật bằng vàng đang phóng quang có đề hàng chữ Phạm là tượng do vua A-dục tạo, bèn rước về thờ ở chùa Trường sa. Tức nay nói là tượng Phật Trường sa. Chùa ở phía Bắc thành Giang lăng. Xưa cho là Trường sa ở Đàm châu là lầm. (Truyện Thiên Nhân cảm thông nói: Chùa Trường sa ở bờ Bắc Kinh Châu cũng giống đây).

Đêm nằm mộng thấy tượng ngọc thò tay vàng vào cửa sổ xoa đầu ba lần. Do đó Sư càng chán cảnh gia đình tù ngục, chỉ mong cầu xuất gia. Song thân quá thương không cho đi. Sư bèn khắc gỗ Chiên-đàn, vẽ tượng, mở kho tìm kinh. Ngay đương lúc lễ Phật thì bàng hoàng như mộng thấy núi cao ở sát biển, trên đỉnh núi có vị tăng đưa tay ngoắt. Phút chốc lại duỗi tay đến chân núi tiếp Sư đưa vào một Già-lam thì thấy tượng mình làm ra đã ở đây, liền khóc lóc trình bày ý nguyện của mình. Bèn học được pháp của ba đời Phật, đối trước Luận sư ngàn bộ mà nói năng vô ngại, dùng đó để đáp đền bốn ân sâu. Vị Tăng lại chỉ tượng bảo Sư rằng: Ông phải ở đây và sẽ chết ở nơi này. Năm đó cha mẹ nối nhau qua đời (xét theo bia Kinh châu nói: Sư muốn đi du phương. Bà mẹ nói: Dành cho cha mẹ món ngon vật lạ, tại sao lại đem cúng cho tà sư để luyện từ tâm, chỉ cỏ tranh hóa thành lúa, chỉ nước hóa dầu? Nay thôn cỏ lúa sông dầu tên hãy còn. Căn cứ vào hai đoạn văn khác nhau này thì phải là lúc trước khi xin xuất gia và cha mẹ chưa cho. Nay phụ vào để thấy rõ).

Năm mười tám tuổi thì Sư từ già anh để ra đi (năm Thiệu Thái thứ nhất, đời Lương Kính Đế, anh là Trung Bình Tham Quân là Trần Tiêm). Lúc đó Vương Lâm giữ Tương châu (thuộc Hành châu) theo về. Lâm cho là kẻ cố cựu của Trần Hầu bèn tư cấp đủ pháp cụ. Sư ở chùa Quả nguyện tại quận nhà nương vào cậu ngài là Pháp Chử mà xuất gia (Phụ Hành nói: Đến xuất gia với cậu ở chùa Quả nguyện). Năm hai mươi tuổi Sư thọ giới Cụ túc (nhằm năm Thái Bình thứ hai đời Lương. Tháng chín năm ấy, Võ Đế nhường ngôi).

Lúc đầu Sư theo ngài Tuệ Khoáng học về Luật và cả Phương Đẳng, lại đến núi Đại hiền (phía Nam Hành châu) tụng kinh Pháp Hoa, Vô Lượng Nghĩa, Phổ Hiền Quán trải suốt hai tuần tụng thông cả ba bộ tiến tu Phương đẳng thì thắng tướng hiện ra. Ngài thấy đạo tràng rộng rãi trang nghiêm mà các kinh tượng thì lộn xộn lung tung (đây là chỉ các bộ lộn xộn) thân ở tòa cao mà chân luôn đặt trên giường dây, miệng tụng Pháp Hoa, tay sửa kinh tượng (Đây là chỉ việc dùng ý chỉ Pháp Hoa để phân biệt thuần hay tạp khiến quy về một chánh). Khi đã tinh thông

Luật tạng, luôn vui thiên duyệt nhưng mãi lẫn quẩn ở Tương đông (ở Hành châu) vì không ai để học hỏi thêm. Đến năm Thiên Gia thứ nhất đời Trần Văn Đế (Phụ Hành nói năm Càn Minh là sai, năm đó Sư hai mươi ba tuổi). Khi đó Tư Thiên sư đang ở tại núi Đại tô, Sư liền đến lễ bái, sư Tư bảo: Ngày xưa ở hội Linh sơn chúng ta cùng nghe Pháp Hoa, do tức duyên ràng buộc nên nay lại đến đây. Liền bày ra Phổ Hiền đạo tràng và giảng về bốn hạnh An lạc cho nghe (ngài Nam Nhạc viết tập An Lạc Hạnh Nghĩa lâu quá nên quên mất bản. Ngài Tư minh Hành Kiểu đi du phương đến Nam nhạc thì được kho báu cổ đó, trở về biện luận Viên giáo. Sau đó ở ngọn Bắc phong đã cùng Kiểu Thạch Chi tìm được khai bản đem truyền bá ở đời). Sớm tối đầu đầu đứng pháp tìm tâm, xẻ gỗ bách thay hương, bách hết thì dùng gỗ lật. Cuốn rèm ngắm trăng, trăng lặn vội tìm ngọn tòng. Trải suốt mười bốn ngày tụng kinh hết sức tinh tấn. Đó gọi là chân pháp cúng dường Như lai. Bỗng nhiên thâm tâm rộng vắng mà nhập định, nhân thì tĩnh phát (Diệu Lạc nói: Viên môn Tam-muội và Đà-la-ni thì thể đồng mà tên khác. Tam-muội do định, Đà-la-ni do tuệ. Còn tĩnh là định, tức là Pháp Hoa Tiên Phương Tiện. Trì là giữ về không, tức Sơ toàn Đà-la-ni). Pháp Hoa sáng rỡ như mặt trời lên cao chiếu vào hang tối (mặt trời chánh ngộ) thấu suốt các pháp tướng như gió lộng hư không. Ngài đem chỗ chứng lên trình thầy thì ngài Nam Nhạc lại khai diễn thêm. Do những sở ngộ của mình và sự nhận biết do hỏi thầy nên chỉ dốc hết sức trong bốn đêm mà hơn cả một trăm năm. Ngài Nam Nhạc khen rằng: Nếu không là ông thì không chứng, không phải ta thì không biết, cái định nhập vào đó chính là Pháp hoa Tam-muội Tiên phương tiện vậy, còn cái phát của trì đó chính là Sơ toàn Đà-la-ni vậy (Hễ lên thập trụ là chân tu, Thập tín là phương tiện. Nay nói “Tiền” chính là chỉ cho năm phẩm, về Sơ toàn Đà-la-ni, tức xoay giả mà nhập vào không. Còn bách thiên vạn ức Đà-la-ni, tức xoay không mà nhập vào giả.

Về pháp âm phương tiện Đà-la-ni, là dùng hai quán làm phương tiện để được nhập vào Trung đạo. Đà-la-ni, dịch là Tổng trì. Nay nói “Sơ Toàn” tức là Không Trì. Đại sư mới nhập định là tiền phương tiện tức ngôi vị năm phẩm Quán hạnh. Chỗ phát của trì là Toàn Đà-la-ni tức vị tương tự Thập tín, y vào nhân định này mà được Phát không trì, là do công của năm phẩm chuyển nhập vào Thập tín. Xưa người ta nói là “dùng năm phẩm thì không thể được Sơ Toàn” ấy là chưa nghĩ rằng Nhân Trì thì tĩnh phát vậy. Huyền Tiêm nói rằng: “Cố được Đà-la-ni là do sức của Tam-muội” chính là nghĩa này. Đến lúc lâm chung tự nói chỉ

là năm phấm. Bởi muốn khuyên bảo các môn đồ còn sống để nhớ mà tu hành. Đại sư trách đệ tử rằng: Các ông lười gieo trồng thiện căn mà hỏi các công đức khác nếu ta bảo thật thì có ích lợi gì, là ý này vậy. Phải biết với Đại sư hoặc bản hoặc tích đều là bất khả trị ngang tâm đẳng giác hay Diệu giác. Lương Thị khen như thế, nay còn luận gì?). Giả sử những bậc thầy về văn tự tài nghệ hơn muôn người mà tìm cầu bàn luận của ông cũng không thể bàn cho cùng được. Ông xứng đáng là hàng nói pháp bậc nhất của loài người. Có Tuệ Mạc Thiên sư đã bảo môn nhân rằng: Pháp hoằng truyền của ta đúng là Sư tử hống, còn các người khác nói chỉ là tiếng kêu của loài giả can. Sư dẫn kinh hạch vấn thì Tuệ Mạc liền bị khuất phục. Đêm đến nằm mộng thấy ba tầng lầu các, mình thì ngồi trên. Mạc đứng dưới, có một người trợn mắt giận dữ bảo: Có sợ gì Mạc, pháp có nghi gì hãy hỏi ta. Sư mới hỏi vài điều thì người ấy cứng lưỡi. Sư nhân đó khuyên rằng: Trừ thật tướng các pháp, ngoài ra đều là ma sự. Ngài Nam Nhạc tạo chữ vàng Bát-nhã bảo Sư giảng thay. Chỉ có ba thứ Tam-muội và ba Quán Trí dùng để xét hỏi, còn thì tất cả đều cất bỏ. Ngài Nam Nhạc tay cầm cây như ý lên tòa khen rằng: Có thể bảo rằng pháp đã giao cho Pháp Thần thì Pháp Vương rảnh việc. Lại bảo Sư rằng: Ta ham thích Nam nhạc đã lâu hận vì pháp chưa có người giao phó nay người mới nhận qua môn ấy hãy nên truyền đăng mà độ người chớ nên làm kẻ sau cùng tuyệt tự (sau cùng là chỉ đời mạt pháp). Sư nghe theo lời dạy không theo thầy đến Nam nhạc. Vào năm Quang Đại thứ nhất nhà Trần, Sư cùng nhóm Pháp Hỷ... hai mươi bảy người mới đến Kim lăng (Đây là thời Trần Phế Đế, Sư được ba mươi tuổi. Sở gọi là Kim lăng, Tấn gọi là Kiến Khang. Nay là phủ Kiến Khang). Có kẻ tên Pháp Tế tự kiêu căng về thiền học, nằm mà hỏi Sư rằng: Có người nhập định vừa nghe Nhiếp sơn thì đất rung động, biết ngài Tăng Thuyên luyện về vô thường, vậy đây là thiền gì? (Nhiếp Sơn ở cách Kiến Khang bảy dặm, Thuyên Công ở chùa Chỉ quán luyện Vô thường. Văn trích từ Thiên Bí Yếu Kinh, có ba mươi sáu quán môn, đối với địa, thủy, hỏa, phong nhập không mà quán sát, lần lượt sẽ chứng bốn quả). Sư đáp: Biên định không sâu thì sẽ mịt mờ nhập vào tà thừa, như lấy như nói thì định hư vô ngại.”

Pháp Tế kinh hãi ngồi dậy tạ lỗi rằng: Lão Tăng từng được định này, trước đây rất linh diệu thì ông nói nhân đây mất hẳn. Do đó trong Triều ngoài nội đều nghe tiếng cùng đến thỉnh ích. Năm Đại Kiến thứ nhất (đời Trần Tuyên Đế) quan Nghi đồng là Thẩm Quân Lý mời Sư về Ngõa quan (Tấn Ai Đế đem đất Ngõa diêu ban cho Sa-môn Tuệ Lực

lập chùa, nhân đó mà đặt tên. Chùa ở phía Tây thành quay mặt ra sông gọi là chùa Thăng nguyên) để khai đề kinh Pháp Hoa. Vua ra lệnh bãi triều một ngày để các quan đến nghe pháp. Lúc đó các quan như Bộc xạ Từ Lăng, Quan lộc Vương Cố, Thị trung Khổng Hoán, Thượng thư Mao Hỷ, Bộc xạ Châu Hoàng Chánh... đều vâng lời giữ giới pháp, cùng nghe diệu chỉ. Chỉ ở một hạ để mở mang đại nghĩa Phật pháp. Bấy giờ Bạch mã Kính Thiều, Định lâm Pháp Tế, Thiên chúng Trí Lệnh, Phụng thành Pháp An là những bậc tài giỏi ở Kim lăng đều quy phục Sư. Từ đấy Sư giảng cho chúng về Đại Trí Độ Luận và nói thứ lớp thiền môn (ngài Pháp Thận riêng ghi được ba mươi quyển, ngài Chương An sửa lại làm mười quyển, tức là Thiền Ba-la-mật Tiệm Thứ Chỉ Quán). Lại nói cho Mao Hỷ về Lục Diệu Môn (tức Bát Định Chỉ Quán). Sư ngụ tại Ngõa quan trước sau tám năm. Đến năm thứ bảy khiển trách môn nhân rằng: Năm đầu ta cùng ngồi đây thì bốn mươi người đắc pháp, năm kế hơn một trăm người thì không đầy mười người đắc pháp. Sau đó thì đồ chúng càng ngày càng đông mà số người đắc pháp càng ít lại. Ta nghe núi Thiên thai đẹp đẽ được người xưa khen ngợi. Ta định dứt hết các duyên ở trên đỉnh núi ấy cho thỏa chí bình sinh. Tháng tư, mùa Hạ vua Tuyên Đế ra lệnh cho ngài ở đấy để hoàng hóa. Từ Lăng khóc lóc khuyên Sư chớ đến. Sư miễn cưỡng ở lại hết mùa Hạ đến tháng chín mùa Thu thì Sư vào núi Thiên thai (Phụ Hành nói năm này Sư ba mươi tám tuổi).

Sư có lần ngủ đêm ở Thạch kiều mộng thấy một lão Tăng bảo rằng: “Thiền sư nếu muốn xây chùa thì ở dưới núi có nền cũ chùa Hoàng Thái tử, dùng đó nhờ người cung cấp cho thì ba nước thành một (ba nước đó là Trần Nam triều, Chu Bắc triều và Tề, Thành một tức là nhà Tùy vậy) phải người có thế lực lớn mới tạo nên chùa này (chỉ cho Thái tử Tấn Vương) chùa nếu xây xong thì nước thanh bình ngay. Bấy giờ ba phương vững vàng như đỉnh.”

Dù nghe lời nói ấy nhưng do đâu mà chùa thành? Khi ra khỏi hang thì thấy ở ngọn phía Nam Phật lũng (bài tựa Bách Lục nói kể đạo núi nhiều người thấy tượng Phật nên có tên này) bèn luôn chú ý đến núi này. Trước đây ở đó là am của Thần tăng Định Quang ở đã ba mươi năm. Sư đến thì ngài Định Quang bảo rằng: Có nhớ việc vẫy tay dẫn nhau vào chùa... đấy chăng? Sư liền ngộ và đánh lễ tượng ấy. Đêm lại nghe trên không trung có tiếng chuông khánh. Quang bảo: Đây là kiền chùy tập hợp Tăng chúng được ở đây (Kiền chùy là tiếng kêu của tre gỗ đồng sắt). Chỗ này là Kim địa ta đã ở, Bắc sơn là Ngân địa ông nên ở đó. Sư liền ở ngọn Bắc sơn mà xây dựng Già-lam, trồng tùng dẫn nước,

rõ ràng như trong giấc mộng xưa. Ở phía Bắc chùa có ngọn núi khác tên là Hoa đảnh, Sư một mình đến đó tu hạnh Đầu-đà chợt vào cuối đêm thì gió mạnh nổi lên sấm sét ỳnh ỏi, ngàn bầy quỷ quái hình thù đáng sợ, nhưng Sư an tâm tịch tịnh thì tự nhiên tan hết. Chúng ma lại hiện ra hình cha mẹ Sư Tăng, lúc nằm, lúc ôm nhau buồn thương khóc lóc nhưng Sư thâm niệm thật tướng thấu suốt thể vốn không thì tất cả liền mất. Dữ dần dịu ngọt cả hai cách đều không lay động được Sư (đây đều là cách làm của ma Thiên tử các sư tu hành ở cõi này ít người hàng phục được ma Thiên tử).

Khi sao mai mọc thì thấy có một Thần Tăng bảo: Chế phục thắng được oán địch là kẻ mạnh (hai câu này rút từ kinh Tịnh Danh) rồi nói pháp cho nghe.

Sư hỏi: Đại Thánh đã nói pháp môn nào? Phải học thứ gì? Phải hoằng truyền những gì?

Tăng đáp: Đây gọi là một Thật đế, phải học về Bát-nhã, phải hoằng tuyên về đại Bi.

Từ nay trở đi, làm cho mình mà bao gồm cả người khác, ta đều có ảnh hưởng. Cả tám năm Sư an cư tại Phật Lũng. Năm ấy bỗng gặp mất mùa chúng đều tùy ý đi hoặc ở. Sư cùng ngài Tuệ Xước trông cự và nhật tượng (Cự lớn hơn hạt mè, tượng là hạt giẻ, hạt cây dịch, an phận nghèo không lo lắng. Tháng hai năm thứ chín, vua hạ chiếu rằng: Thiên sư là bậc tài giỏi nhất về Phật pháp, là bậc tôn kính của những kẻ tài giỏi đương thời, dạy cả đạo tục, đất nước trông nhờ. Phải cắt bỏ thuế của huyện Thủy phong (thời Lục triều gọi Thiên thai là Thủy phong) để sung vào các phí tổn khác, cũng bỏ lệ bắt hai hộ dân phải cung cấp củi nước. Do đó chúng Tăng lại tựu hội về. Tháng năm năm thứ mười, tả Bộc xạ là Từ Lăng, vì Thiên sư xây chùa nên khải tấu về Triều xin vua ban hiệu là Tu Thiên (Quan Thượng Thư Mao Hỷ đề chữ Triện nay gọi là Đại Từ).

Viên Tử Hùng ở Trần quận, Dữu Sùng ở Tân giả, hai người cùng lên núi gặp lúc Sư giảng kinh Tịnh Danh, liền chuyên tâm trai giới suốt cả mấy buổi sáng nghe pháp. Hùng thấy trước giảng đường có núi Lưu ly ngời sáng, núi râm mát có khe suối quanh co và hiện ra một cầu vòng, có khoảng mấy mươi phạm Tăng đều bưng lư hương bước lên cầu vòng đi vào giảng đường. Hùng nói việc ấy với Sùng, Sùng bảo không thấy gì cả. Nhân đó Hùng phát tâm sửa sang lại giảng đường. Thiên thai ở gần biển nên dân ở đó chuyên nghề đánh bắt cá. Sư đích thân lấy y phục mình chuộc sở đất để làm ao phóng sinh. Bấy giờ ở Lâm hải có

quan nội sử là Kế Hủ thỉnh Sư giảng kinh Quang Minh. Những ngư dân nghe pháp đều hiểu sinh bỏ việc giết hại, dẹp bỏ sáu mươi ba sở đánh cá ở Giang khô, hơn ba trăm dặm đều thành ao pháp. Về sau Hủ trở về kinh nhân việc bị tội, lúc sắp đem hành hình thì xa nghĩ đến Thiên sư, mong một phen cứu giúp. Đêm nằm mộng thấy bầy cá có đến vạn ừ con phun bọt ước đắm. Sáng hôm sau có chiếu đặc biệt tha tội cho Hủ. Sư giảng kinh xong liền ngồi thuyền ra cửa biển ngắm núi Phù dung các ngọn cao chót vót, có hòn đá trơ trọi nằm ngang.

Sư bảo: Giác mộng xưa khi ra biển giống y như cảnh này.

Một hôm thấy có đám mây lành năm sắc sáng như ánh trăng từ trên cao phủ trên mái chùa. Có bầy chim sẻ ồn ào bay đậu dưới hiên chùa. Sư bảo: Đám cá dưới sông hóa thành bầy sẻ vàng bay đến tạ ân đó.

Đến năm Chí Đức thứ nhất (đời Trần Thiếu Chủ) vua sắc lệnh cho Quốc tử tế tửu là Từ Hiếu khắc bia gỗ làm bài minh để khen công đức ngài (văn chép trong Bách Lục). Năm Chí Đức thứ hai, Vĩnh Dương Vương (là em họ của Bách Trí Thiếu Chủ) ra trấn nhậm Đông dương (các truyện khác viết là Âu Việt, vì trên một đường nên gọi chung), đã ba lần viết thư mời Sư đến ở đó. Sư đích thân tu Phương đẳng, ngày giảng kinh, đêm tọa thiền. Vương và con là Kham cùng người nhà đều tuân giữ tịnh giới. Trần Thiếu chủ hỏi quần thần rằng: Trong cửa Phật hiện nay ai là bậc nổi tiếng nhất?

Từ Lăng tâu: Thiên sư Ngõa quan có thiền đức cao trọng nhất.

Vĩnh Dương Vương đích thân tâu vua: Xin Bệ hạ xuống chiếu mời ngài về kinh đô để hoàng truyền đại pháp.

Vào tháng giêng năm Chí Đức thứ ba, trước sau ba lần vua sắc lệnh sai sứ mời về, nhưng Sư lấy cơ bệnh mà từ chối (ba lần sắc lệnh ghi đủ trong Bách Lục). Tháng ba lại sắc lệnh cho Châu quận đến thỉnh mời (ở Bách Lục có văn về sắc lệnh Đông dương vì lúc đó Sư còn ở Đông dương). Vương khuyên Sư rằng: Chúa thượng đã hạ mình chí kính, vậy xin Sư hãy đến ngay, nếu một lời có ích thì cả muôn dân đều nhờ cậy. Bất đắc dĩ Sư đành phải đi, khi đến Kim lăng tạm ở tại Linh diệu.

Đến tháng tư vua lại vời Sư lên Thái cực điện để giảng về đề luận Đại Trí Độ và đề kinh Nhân Vương Bát-nhã. Khi về chùa vẫn còn giảng tiếp. Lúc đó có bách tòa ở bên trái (tức các Pháp sư cao quý), còn ngũ đẳng ở bên phải (tức năm tước công hầu bá tử nam vạ). Các ngài Tuệ Hoàn, Tuệ Khoáng, Tuệ Biện đều tuân lệnh vua mà vấn nạn. Thiên tử đến ngồi vào chiếu để nghe pháp, bá quan ai nấy đều hết lòng kính quý

Sư. Lúc bấy giờ các Tăng Ni phần lớn đều không chuyên tu. Triều đình bàn luận nếu khảo thí kinh luật mà không thông thì đều cho hoàn tục.

Sư can rằng: Ông Điều-đạt mỗi ngày tụng cả vạn lời nhưng không khỏi bị đọa lạc (Trí Độ Luận nói Điều-đạt tụng được sáu vạn pháp tụng cùng vua A-xà-thế tạo tội ngũ nghịch nên lúc còn sống mà đọa ngay vào địa ngục. Đây là việc Đại quyền biến để giáo hóa. Nhưng Đại sư nêu ra đây là ý phương tiện muốn hộ pháp). Ông Bàn-đặc chỉ nhớ có một bài kệ mà chứng được bốn quả (kinh Pháp Cú Dụ nói ông Bàn-đặc đốt đặc, Phật dạy cho một bài kệ: “Giữ miệng nhiếp ý thân chớ phạm, như thế người tu được thoát tục.” Ông đọc mãi và khoát nhiên khai ngộ chứng được quả A-la-hán). Rốt ráo là đạo, đâu quan hệ ở tụng đọc nhiều, Thiếu Chủ nghe Đại sư nói liền thôi không sát hạch nữa. Sư ở tại Linh diệu cho là quá chật chội. Ngài muốn tìm chỗ yên tĩnh. Chợt mộng thấy một người đứng hầu nghiêm chỉnh tự xưng là Quan Đạt, thỉnh Sư đến ngụ ở Tam kiều.

Sư nói: “Quan Đạt là pháp danh của Lương Võ Đế, còn Tam kiều chính là chùa Quan trạch.” Thiếu chủ nghe nói liền đón Sư đến ở. Lại xuống chiếu rằng: Trong nước ta trước đây có giảng về Nhân Vương mỗi năm hai tập, nay cúi mong Sư ở điện Thái cực giảng lại kinh này. Tháng ấy vua đến chùa Quan trạch xả thân làm lễ Đại thí, nghe giảng kinh Nhân Vương đích thân lạy ba lạy. Hoàng hậu là Thẩm Thị xin được đặt pháp danh. Sư đặt tên là Hải Tuệ. Tháng giêng năm Chí Đức thứ tư, Hoàng thái tử xin thọ giới Bồ-tát, từ hàng thái tử trở xuống đều phụng trì giới pháp.

Năm Trinh Minh thứ nhất, ở chùa Quan trạch Sư giảng kinh Pháp Hoa. Lúc đó ngài Chương An đến dự nghe lần hai (Văn Cú đề chú, Sư hai mươi bảy tuổi đến tu học ở Kim lăng, nhưng khi ngài sáu mươi chín tuổi thì gò Chu bị sông Trần cuốn trôi). Tháng giêng năm Trinh Minh thứ hai, nhà Tùy đánh nhà Trần, cả Giang nam đều thuộc về nhà Tùy. Vì thời buổi tao loạn chết chóc, Sư chống trượng sách đến Kinh tương (trượng có nghĩa là phò giúp. Sách là gậy trúc. Hán Đặng Võ dùng trượng sách đuổi theo Quang Võ. Kinh châu là Hồ bắc, Tương châu là Hồ nam) giữa đường ghé ở Bồn thành (nay là đất Giang châu gọi là Bồn phố) nằm mộng thấy một lão Tăng bảo rằng: “Hãy kính cẩn giữ gìn trượng ngọc của Đào Khảng.”

Kịp khi đến nghỉ ở Lô sơn thì thấy tượng của hai Sư mới ngộ được sự linh ứng. Bồng chốc ở Tầm dương có cuộc phản loạn (tức Giang châu) chùa chiến đều bị đốt phá, chỉ có núi này không bị xâm phạm đến, càng

biết sự linh nghiệm của việc giữ gìn tượng (đời Tấn, Đà Khảng coi giữ Quảng châu, đi trên biển vớt được tượng Văn-thù, đem về chùa Hàn Khê ở Võ xương. Khảng trở về Kinh châu muốn chở tượng đi, thuyền chìm lại đưa tượng trở về chùa cũ. Viễn Pháp sư tạo cảnh Đông lâm, bưng lư hương hướng về phương ấy cầu nguyện thì tượng theo gió bay lên không mà đến).

Tháng giêng năm Khai Hoàng thứ mười đời Tùy (là năm cả Nam Bắc đều gồm vào một mối), Tùy Văn Đế xuống chiếu rằng: Hoàng đế kính hỏi Quang Trạch Thiên sư, đối với Phật pháp Trẫm hết lòng kính tín tôn quý. Năm xưa nhà Chu Võ phá dẹp Phật pháp, còn Trẫm thì phát tâm lập nguyện quyết hộ trì và từ khi lên ngôi đến nay liền phục hưng Tam bảo. Thiên sư đã vượt ngoài cõi tục sửa mình độ người, tất mong khen thưởng hàng Tăng sĩ tiến tu để hưởng dụng ánh sáng của đại đạo (nói Quang Trạch là gọi theo tên xưa). Lúc đó Tần Hiếu Vương ra trấn giữ Dương châu (Tần Vương là Dương Tuấn con của Văn Đế, em của Tấn Vương. Lý Tuân nói: Khí ở Giang nam bốc cao là dương.” Là căn cứ vào nghĩa này) đã viết thư mời Sư đến. Sư bảo sứ giả rằng: “Rất mong gặp nhau chỉ sợ thiếu duyên.” Quả nhiên suốt mấy tuần gió bão, giặc cướp nổi lên, đường thủy bộ đều nghẽn lối nên việc đi thăm không thành.

Năm Khai Hoàng thứ mười một, Tấn Vương thay làm Tổng quản (Tấn Vương là Dương Quảng thay Tần Vương làm Tổng quản Dương châu) sai sứ đến xin đón ngài về. Sứ nói: “Ta với Tấn Vương rất có duyên sâu.” Liền thay áo ngồi thuyền không bao lâu đến nơi. Vương làm bài văn xin ngài truyền giới Bồ-tát. Sứ ba phen từ chối nhưng không được. Bèn giao ước bốn điều:

1. Tuy rất thích thiền học nhưng vì hạnh không xứng pháp nên xin chớ dùng thiền pháp tăng bốc nhau.
2. Thân chưa hề học tập, lời lẽ thăm hỏi vụng về xin chớ đem phép tắc mà chê trách.
3. Vì pháp mà truyền đăng xin chớ trách việc đi ở.
4. Nếu chợt nghĩ đến núi rừng xin cho trở về đưa muối chuỗi ngày tàn.

Nếu bốn tâm nguyện được thỏa mãn thì xin tuân chỉ. Khi ấy vì Vương mong được thọ giới nên chấp thuận. Vào ngày hai mươi ba tháng mười một năm ấy, tại đại sảnh đường Tổng quản, Vương thiết lễ trai đãi cả ngàn Tăng để thọ giới Bồ-tát. Sứ bảo Vương rằng: “Đại vương đã tuân giữ giới Phật có thể gọi là Tổng trì.” Vương khen Sứ rằng: Đại sư

truyền bá pháp tạng của Phật đáng gọi là bậc Trí (sau khi thọ giới, các thư từ đi lại Vương đều xưng là đệ tử Tổng trì). Truyền giới xong Sư ra ở chùa Thiền chúng tại ngoại thành. Lại muốn đi về hướng Tây, Vương cố nài xin Sư ở lại. Sư bảo: Đã có lời giao ước trước đâu thể trái. Vương liền sai Liễu Cố viết thư thỉnh Sư ở lại, đợi đến tháng hai năm sau hẹn đến Thê Hà mà tống biệt.

Tháng hai năm Khai Hoàng thứ mười hai, Sư gửi thư đến Vương nhờ làm thí chủ cho hai chùa trên ngọn Đông lâm. Vương viết thư chấp nhận. Đến tháng ba Sư sắp lên đường thì Vương lại gửi thư mời Sư đến Nhiếp sơn để an cư độ hạ, nhưng Sư không chịu. Vương bèn sai quan Hữu Ty trang bị đầy đủ để đưa đi. Sư bèn đến ở tại Lô sơn. Tháng bảy Vương sai sứ đến Lô sơn thăm hỏi. Tháng tám Sư đến Hành sơn tu tạo công đức để đền đáp ân thầy. Đến tháng mười một Vương đưa thư báo sẽ đến Đàm châu đón rước Sư. Tháng mười hai Sư đến Tuyên hương đáp địa ở Kinh châu định xây dựng phước đình, bèn đến Đương dương ở núi Ngọc tuyền (đất này ở đời Tùy xếp chung vào Kinh châu, đến thời Châu Lương phân ra đặt tên là Kinh môn quận) mà xây dựng tinh xá và trùng tu chùa Thập trụ. Chúng đạo tục thọ giới nghe giảng pháp có hơn năm ngàn người. Lúc mới đến Đương dương, trông qua núi Thục chương thấy màu xanh biếc, muốn bói xem ở đây có khe trong để tiện việc lập đạo tràng, chỉ sợ chật hẹp, bèn lên Kim long. Ở đây cách ao lớn về phía Bắc khoảng hơn trăm bước có một cổ thụ Ta-la rủ tán như hình một cái am, Sư bèn đến đó ngồi kiết già nhập định. Một hôm trời đất mịt mù gió bão gào thét dữ dội, yêu quái hóa muôn vạn hình thù, có măng xà dài hơn mấy trượng há miệng chực nuốt, bọn âm ma bắn tên đá như mưa. Trải suốt bảy ngày đêm Sư không chút sợ sệt. Ngài thương hại bảo rằng: Việc các người làm chỉ là nghiệp sinh tử, tham đắm chút phước thừa chẳng chịu tự hối. Nói vừa dứt thì các hiện tượng ma quái đều biến mất. Chiều đó mây tan trăng sáng, thấy có hai người dáng vẻ như hàng vua chúa. Người lớn râu dài phong hậu, người nhỏ đội mũo mặt đẹp, đến trước Sư kính cẩn thưa: Tôi là Quan Vũ đời Hán mặt tào loạn, chín châu chia cắt. Tào Tháo bất nhân, Tôn Quyền ích kỷ. Tôi là nghĩa thần của nhà Thục Hán, mong khôi phục dòng vua nhưng thời thế trái ngang, chí lớn không thành nhưng chết thừa oanh liệt, nên được làm chủ núi này. Nay Đại đức Thánh sư vì sao hạ cố đến đây? Sư đáp: Muốn ở đất này xây dựng đạo tràng để báo đáp ân nghĩa sinh thành. Quan Vũ nói: Xin ngài thương xót con ngu mê đặc ân thâm nhận làm đệ tử. Cách đây có một dãy núi như chiếc thuyền úp, đất đó rất sâu dày, đệ tử sẽ cùng

Tử Bình (Tiên Chủ nhà Thục phong Quan Vũ làm Tiên Tướng Quân, dẫn binh đánh Tào Nhân nhưng không thắng trong khi Tôn Quyền đã chiếm cứ Giang lăng. Quan Vũ chạy đến Ngô thì bị Mã Trung bắt với cả Tử Bình, đem chém ở Chương hương. Đường Thư, hồi còn sống Quan Vũ thờ Hán Trung Hưng) lập chùa để giảng đạo dạy dỗ, cúng dường, hộ trì Phật pháp mong Sư an tâm tọa thiền. Sau bảy ngày thì mọi việc đều xong. Sư xuất định thấy đầm ao ngàn trượng đã thành đất bằng, nhà cửa đẹp đẽ rực rỡ khác thường, do Quan Vũ đã sai quỷ làm nên mau như thế. Sư bèn lãnh chúng đến ở ngày đêm giảng pháp. Một hôm Quan Vũ thưa Sư rằng: Đệ tử ngày nay được nghe pháp xuất thế, nguyện rửa tâm đố kỵ xin được thọ giới, trọn vì đạo Bồ-đề. Sư liền đốt hương truyền cho năm giới. Do đó oai đức của Quan Vũ chiếu sáng khắp ngàn dặm, xa gần đều kính cẩn cúng tế (Ngài Trí Giả đến đất Ngọc Tuyền tất phải tâu rõ việc nghe chuyện thần dị. Cho nên Tấn Vương trả lời thư có nói: “Ở Đương dương xây chùa là nói lên ý muốn của Thần, nói rõ lý lẽ lúc còn sống thì nên tâu đủ để vua ban danh hiệu tốt đẹp. Ngài Chương An soạn Biệt Truyện lược bỏ việc Quan Vũ là do chưa hiểu. Nếu bảo là không nghe biết thì khi ngài Chương An đích thân đến Ngọc Tuyền nghe giảng, bảo là không nói việc thần quái thì khi ngài ở Hoa đánh tọa thiền có hai loại ma Cưỡng Nhuyễn tất đã nói ra. Hống chi sự tích của Quan Vũ đến nay vẫn còn linh ứng há đâu thời ấy lại bỏ sót sao? Nay căn cứ vào bia Ngọc Tuyền để bổ sung chuyện Quan Vũ, để nêu rõ Thánh đức của Tổ ta là như thế. Còn như các chuyện kể trong Biệt truyện lời lẽ nhiều mơ hồ, nay xin lược bỏ bớt để gần sự thật. Còn các chuyện sách ấy chưa chép nay xin ghi vào để mọi người biết thêm).

Tháng hai năm Khai Hoàng thứ mười ba, Tấn Vương vào triều rồi đến Hiệp châu, sai người đưa thư đến Kinh châu để đón Sư. Vào tháng tư mùa Hạ, Sư ở Ngọc tuyền nói Pháp Hoa Huyền Nghĩa (Chương An nói: Kế ở tại Giang lăng kính mong Huyền Nghĩa là vậy). Tháng năm Sư sai ngài Trí Thúc đem thơ đến Tấn Vương dâng lên bản sơ đồ chùa Ngọc tuyền và xin soạn lời bia của Hành Thiên sư, nhân đó tặng Vương bộ ca-sa bằng da cây Vạn xuân (do ngoại quốc đã hiến tặng thời Lương Võ Đế). Vương đáp rằng: Việc phụng chỉ xây chùa ở Đương dương là nêu rõ tâm sự của thần muốn nói rõ lý lẽ lúc còn sống (hai câu này chính là nói việc Quan Vũ cất chùa) phải tâu đầy đủ để vua ban danh hiệu tốt đẹp. Lúc bấy giờ từ mùa Xuân đến mùa Hạ trời hạn hán không mưa, bá tánh đều bảo là Long vương giận. Sư đến đầu nguồn nước miệng đọc thần chú tay vẩy thì gió mưa kéo đến. Dân chúng mừng vui,

ca hát đầy đường. Vương Tích là Tổng quản Kinh châu vào núi lạ Sư run rẩy toát mồ hôi đầm đìa. Lui ra bảo người rằng: Ta nhiều phen lâm trận gặp nguy càng hăng mà chưa từng sợ sệt như ngày hôm nay! (Tùy Thư ghi: Vương Thế Tích, sau làm Tổng quản Kinh châu, mưu phản bị tru di). Tháng bảy Vương đem việc xây chùa tâu vua, vua ban tên là Ngọc tuyến. Tháng tám đệ tử là Trần Tử Tú ở Kinh châu dâng sớ mời Sư giảng kinh Pháp Hoa. Mùa Hạ tháng tư năm Khai Hoàng thứ mười bốn, Sư ở tại Ngọc tuyến nói Ma-ha Chỉ Quán. Mùa Hạ, trong một ngày giảng nói hai thời Pháp Nhũ (đây là căn cứ vào hai thời sáng chiều giảng nói). Năm ấy ngài qua Nhạc châu, Thứ sử là Vương Tuyên có thỉnh ngài truyền giới pháp Đại thừa, Học sĩ Đàm Kiện thỉnh ngài giảng Kim Quang Minh. Dân ở đấy chuyên nghề săn bắt kíp khi nghe pháp thì được cảm hóa. Do đó một quận, năm huyện hơn ngàn nhà đều bỏ nghiệp sát. Mùa Xuân năm Khai Hoàng thứ mười lăm, Tấn Vương giữ ngài ở lâu tại kinh sư. Khi sắp về Trấn thì sai sứ đến đón rước Sư. Sư ngồi thuyền về miền Đông ngụ tại chùa Thiên chúng ở Dương châu. Tháng sáu năm đó, Vương gửi thư xin học thiền tuệ, trong thư nói: “Giới là nền tảng, năm xưa kính thọ nhưng định phẩm nhánh thiền bỏ tán loạn trở về tĩnh lặng, chưa biết có thể dạy dỗ được chăng? Sư đáp lời nói hoài bảo của mình sớm ở tại Thiên thai. Xưa chuyên một môn ở thiền định, luôn sợ sai lệch bèn thâm hồi thần lực để đợi bậc hiền tăng dạy thêm.” Sau ba ngày Vương lại viết thư rằng: Thuở xưa ngài Trí Giả ở chùa Ngõa quan thời Trần triều mà nhóm họp đông đảo, ông Tuệ Vinh trước bị bẻ sừng, hai Quỳnh vừa mới được giao hoãn (Tuệ Vinh ở chùa Tiểu trang nghiêm nói đáp vấn nạn bị thua giống như bị bẻ hết sừng. Hán thư nói: Năm con nai ở các núi bị Chu Vân bẻ sừng, hai Quỳnh tức Bảo Quỳnh ở Bành thành và Bảo Quỳnh ở thời Kiến sơ đều là người thuộc Triều Lương, hoãn tức là cái dằm ở dưới cổ ngựa, khi chiến đấu thì hai ngựa giao kề nhau. Nay hai Quỳnh cùng nghị luận với ngài Trí Giả vừa giao hoãn liền khiến sợ bỏ chạy. Tả truyện nói giao hoãn mà rút lui). Trước đây Sư đến Kinh châu thì cả danh tăng cự học không ai không quy phục, không phải thiền là bất trí nghiệm ra đúng thay lời Phật nói (Chỉ Quán Dẫn Kinh nói rằng: Không phải thiền là vô trí, không phải trí là không thiền). Đệ tử ngay trong ngày mà không thỉnh hỏi, như ngài Di-lặc kia nay sẽ hỏi ai (kinh Pháp Hoa nói: Ngài Di-lặc nghĩ rằng: Nay Đức Thế Tôn hiện tướng thần biến, vì sao có điềm lành này? Nay sẽ hỏi ai ai sẽ có thể trả lời..).

Tháng bảy, ngài đem dâng lên Vương quyển một của Bộ Tịnh

Danh Nghĩa Sơ vừa soạn xong. Cùng tháng ấy ngài đem việc tạo lập chùa Ngọc tuyền ở Kinh châu và việc sửa chữa chùa Thập trụ mời Vương làm thí chủ bảo trợ. Vương liền viết thư đến Tổng Quản Kinh châu bảo nên kiểm tra kỹ rồi lại viết thư mời ngài nên ở lại Thê hà để được thưa hỏi việc tu hành. Cốt được an tâm khỏi phải lên chốn Thiên thai xa xôi. Mong ngài Từ bi giúp con được thỏa nguyện. Sư viết thư đáp rằng Thê hà dù chỉ một thước tắc cũng chẳng quan hệ chi với bản nguyện, bởi Thiên thai là đất ở trọn đời. Cho nên thường dặn dò đệ tử rằng một mai vô thường thì xin đem hài cốt về chốn Thiên thai. Xưa nguyện sáng lập Già-lam cho nên muốn xin sửa sang lại, mới xin tên chùa mà quy lụy kẻ đàn-việt. Vương đáp lời hứa nhận cả. Đến tháng tám, Sa-môn Bảo Cung ở chùa Thê hà tại Tường sơn kính dâng ruộng vườn và cả Bản tự mời Sư đến ở nhưng Sư không đi. Tháng chín, Vương đón Sư vào Thành, khi vào yết kiến thì Sư khẩn thiết tạ từ xin trở về Đông, Vương không dám giữ lại. Sư bèn ra đi. Dân Ngô viết quét ngõ để đón mừng ngài. Các quan Lệnh mục sắp đặt cờ xí hoa hương dọc đường đón chờ. Nhưng chùa xưa đã hoang vu hơn mười hai năm, vắng dấu chân người, cỏ tre mọc lan thành rừng. Khi đến nửa đường thấy có một vị Tăng đầu bạc trắng như tuyết chống tích trượng ngồi nghỉ giữa đường giấy lâu biến mất. Mọi người đều cho là Thánh hiền ra đón tiếp. Sư thích thú cảnh lâm tuyền nâng gậy ngâm vịnh. Ngài có lần đi dạo chơi đã khen rằng: Đêm thâm sơn yên vắng, lắng thần tự chiếu sáng, đâu chẳng vui lắm sao?

Tháng tư năm Khai Hoàng thứ mười bảy, ngài lập mười điều luật để dạy chúng, giao chức Tri đường cho Thượng tọa Tuệ Giác (thấy trong Bách Lục). Cũng tháng ấy, Vương sai sứ vào núi thăm hỏi, hẹn mùa Thu năm ấy thì đón ngài về thăm Giang đô. Tháng tám, Sa-môn Cát Tạng ở chùa Gia tường tại Cối kê cùng hơn trăm người dâng sớ thỉnh Sư giảng Pháp Hoa nhưng ngài không đi. Vào một đêm, ánh trăng sáng đầy giương, ngài ngồi một mình nói pháp như có người đang vấn nạn. Sáng ra thị giả Trí Hy thưa rằng: Đêm rồi không biết Hòa thượng thấy việc gì? Sư bảo: Lúc đầu ta mộng thấy có ngọn gió lớn chợt thổi sập bảo tháp, kế đó ta thấy có vị Phạm Tăng bảo ta rằng: Cơ duyên như củi, dụng chiếu sáng như lửa, việc trợ giúp như gió, ba thứ đầy đủ thì việc hóa đạo mới thành. Kế ra đêm mộng ở ngọn Hoa đảnh cũng rất có ảnh hưởng. Cơ - Dụng sắp hết, việc trợ giúp cũng dứt nên bảo cho biết vậy. Lại mộng thấy ngài Nam Nhạc cùng Hỷ Thiên sư bảo ta nói pháp, ta liền tự nghĩ: “Danh nghĩa của các pháp khác đã sớm cắt đứt, chỉ có

Tam Quán Tam Trí thì ngay từ lúc đầu tiên con đã trực diện mà nhận thọ, thuyết pháp xong, ngài bảo ta rằng: “Người ra sức ở Hoa chĩnh đã trông con từ lâu, có Duyên nên đến. Chúng ta đến tiễn con đây.” Ta lạy tạ xin vâng. Đây là tướng chết đã hiện. Ta nhớ lại giấc mộng thuở thiếu thời là sẽ chết ở đất này. Do đó rất vui mừng khi trở về núi. Nay được ngầm bảo, thế tất không còn bao lâu. Khi ta mạng chung nên an táng ta nơi ngọn Tây nam, chắt đá vây quanh khám và trồng tùng để che mát. Lại xây hai tháp trắng để người thấy mà phát tâm Bồ-đề. Lại lúc thiếu thời ngài thường bảo đệ tử rằng đi buôn phải gởi vàng, thầy thuốc ra đi phải để lại thuốc, ta tuy ngu dốt nhưng vì thương kẻ cuồng si nên đã khẩu truyền Quán Tâm Luận, theo lời giảng mà viết thành Số. Tháng mười, Vương sai người vào núi đón rước, ngay ngày ấy Sư đem các đồ vật thí cho những kẻ nghèo túng. Sư lại cấm nêu ở dưới núi để định chỗ xây cất điện đường... Lại vẽ các đồ hình làm kiểu mẫu, dặn dò đồ chúng rằng sau có xây cất chùa thì phải theo một cách này. Có người nghi hỏi núi khe dựng đứng hiểm trở làm sao xây chùa được? Sư đáp: “Việc này không nhỏ phải nhờ các Vương gia lo giúp.” Đồ chúng không rõ ý Sư nói gì. Hôm sau Sư theo sứ xuống núi đến Thạch thành. Bèn nói mình có bệnh, bảo ngài Trí Việt rằng: Đại vương muốn mời ta về, ta không phụ lời, nhưng ta biết mạng ta ở tại đây nên không đi nữa. Thạch thành là cửa Tây của núi Thiên thai. Đại Phật là linh tượng ở tương lai, chỗ nơi đã tốt, cần phải dụng tâm cuối cùng. Tất cả y bát đạo cụ của Sư chia làm hai phần, một phần phụng cúng Di-lặc, một phần sung vào Yết-ma. Nói xong Sư nằm nghiêng bên phải xây mặt về hướng Tây chuyên niệm hồng danh của Phật Di-đà, Quan Âm và Bát-nhã. Tấn Vương nghe tin Sư bị bệnh bèn mời thầy đến trị và đưa thuốc mời Sư uống. Sư bảo: Muốn hết bệnh này để sống già ư? Bệnh không hợp với thân thì thuốc nào trị được, tuổi không hợp với Tâm thì thuốc nào giữ được. Ngài Trí Hy nhắc lại các điều đã nghe ngày xưa và trong Quán Tâm Luận nói những gì. Lại thỉnh Sư thọ trai. Sư bảo: Đâu phải ăn đúng ngọc mới là trai, mà phải không duyên không quán mới thật là trai (không chỗ duyên không hay quán, tức cảnh và quán đều mất). Ngày hai mươi mốt tháng mười một Sư nói bài văn Phát Nguyện. Sư bảo đem hai tượng Duy-vệ và Ca-diếp của huyện Ngô, chùa Tháp của vua A-dục ở huyện Mậu, tượng Di-lặc cao mười trượng ở huyện Viêm. Đặt ba tôn tượng ở ba nơi để tiêu biểu ba đời. Các chỗ hư nát nên sửa lại cho trang nghiêm đẹp đẽ. Lại dặn dò nên viết kinh tạo chùa. Ngay hôm đó khẩu truyền di thư và chính tay viết bốn mươi sáu chữ (chỉ bốn mươi sáu chữ này là

đích thân ngài viết). Thư tóm tắt rằng: “Lò hương hoa sen, sừng tê như ý, do Vương đem thí, nay để đón riêng, nguyện hương đức bay xa, luôn bảo toàn Như ý.” Lại lấy bản vẽ xây chùa, tượng đá và văn phát nguyện làm vật gói gắm. Xong sai quét sạch nội thất, đòi ba y bát. Lại bảo thị giả đọc hai bộ kinh để làm chỗ văn tư sau cùng. Nghe kinh Pháp Hoa xong, Sư khen rằng: Pháp môn cha mẹ do đây mà sinh Tuệ Giải. Bản Tích rộng lớn vì diệu khó lường gồm chứa lời thuyết pháp hơn bốn mươi năm, có ai biết được chỉ riêng mình tự hiểu, người khác không thể thấy, đập đàn đứt dây ngày hôm nay vậy (người nước Dĩnh đẹp riu Bá Nha đập đàn, đều thấy ở Trang Tử). Khi nghe kinh Vô Lượng Thọ xong, Sư khen: Bốn mươi tám nguyện, Tịnh độ trang nghiêm, hoa ao sen cây báu, rất dễ đến mà chẳng có ai. Khi tướng địa ngục hiện ra nếu biết hối cải còn được vãng sinh thay, huống là huân tu giới tuệ để làm sức hành đạo, thật không luống uổng. Khi đang đọc kinh thì có Thị quan Trương Đạt... năm người ở Ngô quận thấy tượng Phật bằng đá chiếu sáng rực cả dãy núi, rọi thẳng vào phòng. Khi đọc kinh xong, dùng nước thơm súc miệng rồi Sư nói về mười Như, bốn Bát sinh, mười Pháp giới, ba Quán, bốn Vô lượng tâm, bốn Tát-đàn, bốn Đế, mười hai Nhân duyên, sáu Ba-la-mật... Mỗi thứ pháp môn đều bao gồm tất cả pháp. Điều thông suốt tâm đến thẳng ao thanh lương. Nếu trong cảnh bệnh hoạn mà thấu suốt các pháp môn thì có hai mươi lăm người có thể gói trăm nén vàng ròng (kinh Niết-bàn dụ về đi buôn gói vàng). Nay ta sách quán đàm huyền lẫn cuối cùng (thường nói sách kinh, sách thí, sách pháp, nay nói sách quán, đều là nghĩa khuyên cổ gắng). Vì thiện tịch sau rốt ta sắp bước vào (khéo nhập tịch diệt). Ngài Trí Lãng hỏi Sư: “Không rõ Sư sẽ nhập vào vị nào, tịch rồi sẽ sinh nơi đâu, chúng con sẽ kính ngưỡng vào ai?” Sư đáp: “Các ông biếng nhác gieo trồng thiện căn, hỏi các công đức khác, khác nào kẻ đui hỏi sữa, nếu ta nói thật nào có ích gì? Nay ta sẽ phá nghi cho các ông. Nếu ta không lãnh chúng thì tất sẽ tịnh được lục căn vì lợi người tổn mình nên ta chỉ ở hàng Ngũ Phẩm. Các thầy bạn ta đang theo hầu Đức Quan Âm đều đến đón ta. Ba-la-đề-mộc-xoa chính là thầy các ông. Mà bốn thứ Tam-muội ta thường nói là kẻ dẫn đường sáng suốt nhất của các ông. Ta cùng các ông nhân pháp mà gặp nhau, lấy pháp làm thâm thích, truyền thông Phật đấng làm quyến thuộc”. Lại bảo thầy Duy Na rằng: “Khi người sắp lâm chung được nghe tiếng chuông khánh thì chánh niệm tăng mạnh, tiếng chuông càng dài thì chánh niệm càng lâu, đến khi hơi thở dứt mới thôi. Vì sao phải đợi thân lạnh mới gõ chuông? Khóc lóc để tang theo thế gian đều không nên làm.” Sư nói

xong liền xướng đọc hồng danh Tam bảo rồi như người nhập Tam-muội. Bấy giờ đúng vào giờ mùi ngày hai mươi bốn tháng ấy, Sư tuổi đời sáu mươi, tuổi hạ bốn mươi. Ngồi yên bên ngoài suốt cả mười ngày, kẻ đạo người tục theo nhau khóc lóc, đi nhiều lễ bái. Khi nhập khám thì nhục thân ngài ướt đầm mồ hôi. Khi sắp khiêng khám về Phật lũng thì trời mưa tầm tã không ngớt. Các đệ tử chú nguyện cầu gia bị, khi vừa khiêng thiền khám lên thì trời bỗng tạnh hẳn. Bấy giờ mới theo lời phó chúc của Sư mà xây phần mộ trên núi Tây nam của chùa để phụng thờ. Hàng đệ tử được truyền pháp có ba mươi hai vị, còn số người đắc pháp tự tu không thể kể xiết (theo bia ở chùa Thiên lâm của Lương Túc thì số người nhập môn lên đến số ngàn, còn số được tâm truyền có ba mươi hai vị). Sư đã tạo ba mươi sáu cảnh chùa. Có lần bảo đệ tử rằng: Số chùa ta tạo ra thì có Thê hà, Linh nham, Thiên thai, Ngọc tuyến là bốn cảnh đẹp nhất thiên hạ. Lại tạo đại tạng mười lăm chỗ, các hình tượng bằng gỗ chiên-đàn, vàng, đồng, vẽ có đến tám mươi vạn. Ngài đích thân độ Tăng đến một vạn bốn ngàn người. Trong suốt ba mươi năm, Sư chỉ dùng một nạp y, dù mùa Đông hay Hạ chưa từng cởi ra. Nếu có nhận của cúng thí thì một sợi chỉ, một trái cây cũng chia cho chúng. Phàm khi hoằng truyền đều không chứa bài vở mà biện luận vô ngại, văn nghĩa đều hợp lý. Khi có cơ cảm lớn thì ngài mới đích thân viết sách, như viết cho Tấn Vương bộ Tịnh Danh Nghĩa Sở hai mươi tám quyển, viết cho Thượng thư Mao Hỷ bộ Lục Diệu Môn, cho anh là Trần Châm bộ Tiểu Chỉ Quán, cho các học trò bộ Giác Ý Tam-muội, bộ Pháp Hoa Tam-muội Hành Nghi... mỗi thứ một quyển, bộ Pháp Giới Thứ Đệ ba quyển (các bộ trên đích thân ngài viết ra). Ngài thường ở pháp tòa nói rằng: “Nếu giảng về Thứ Đệ Thiên Môn mỗi năm một lượt nếu viết thành chương số thì phải là năm mươi quyển” (Thận Thiên sư nghe giảng tự ghi là ba mươi quyển, ngài Chương An sửa lại còn mười lăm quyển). Nếu giảng về Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Viên Đốn Chỉ Quán, nửa năm mỗi bộ một lượt, nếu viết thành chương số thì mỗi thứ phải ba mươi quyển. Cả ba pháp môn này thường luôn truyền giảng. Ngài Chương An một lần nghe qua đã viết lại lời sơ trong suốt mười tám năm. Đệ tử của ngài Trí Giả là Thượng thủ Trí Việt, khiển tăng sứ là Quán Đảnh và Phổ Minh mang di thư và ba mươi mốt quyển Tịnh Danh Nghĩa Sở đến Dương châu. Vương sai sứ trả lời di chỉ rằng: Rất hối hận vì chỉ hiểu chút ít về nghĩa số được thân thừa của Sư. Về việc dọn dò tạo chùa, nay sai quan Tư mã Vương Hoàng vẽ tay một bức họa về ba nơi Ngô quận, Mậu cảnh, Viêm ấp. Và các tháp tượng cũng như nơi ngọa bệnh của ngài Trí Giả đều phải sửa sang trang

hoàng lại. Lại sai sứ đến Phật lũng, tổ chức pháp hội có ngàn vị Tăng. Khi Vương mới xem qua di thư, ở trước bộ Tịnh Danh Sớ mà lập nguyện rằng: “Xưa khi gần gũi bên thầy chưa được căn kẽ, nay vâng theo di chỉ do đâu mà ngộ. Nếu đọc văn mà hiểu xin Tôn sư thị hiện thần thông!” Đêm ấy mộng thấy chư Tăng tập hội tại gác, Vương tự nói nghĩa, lại thấy ngài Trí Giả từ trên hư không bay xuống để trên gác chữ “Thất bảo san hô” rồi bay đi mất. Đến ngày mười sáu tháng tư chư Tăng ở Phật lũng đương tọa thiền, có Thượng tọa Đạo Tu thấy ngài Trí Giả mặc thường phục đi tuần xét trong giảng đường một chốc rồi đi ra. Thượng tọa kinh hãi đứng dậy đánh lễ, toàn chúng đều thương khóc. Vào tháng mười một, Vương sai quan Điển thêm là Ngô Cảnh Hiền vào núi nhằm ngày húy nhật thiết đãi trai Tăng năm trăm chúng. Năm Khai Hoàng thứ hai mươi, Tấn Vương được lập làm Hoàng Thái tử. Vào tháng giêng năm Nhân Thọ thứ nhất, ngài Tăng pháp Hiển Sinh ở Vĩnh gia nghe thắng đức của ngài Trí Giả, bèn đến khám thờ ngài đi nhiễu và lạy một ngàn lạy. Một chiều nọ cửa khám tự mở, ánh sáng chiếu khắp núi rừng, chúng trong chùa đều chạy đến lễ bái. Đến tháng mười năm ấy, đệ tử ngài Trí Giả là Thượng thủ Trí Việt sai Tăng sứ là Quán Đỉnh và Trí Tảo vào kinh chúc mừng Vương và tạ ơn việc tạo chùa mới. Vương lên ngôi sáng lập chùa chiền và xây Xuân cung. Đây là nền chùa Hoàng Thái tử vậy. Vương làm thí chủ bảo trợ cho chùa, Vương thật sự đảm nhiệm việc sửa sang, đây chính là việc “Vương gia tạo tự.” Hai nhà Trần và Tề đều diệt, nhà Tùy lên thay nhà Chu, đó là “ba nước thành một.” Chùa xây xong xin tên hiệu tức theo lời ký trước của Sư, đây gọi là Quốc Thanh. Lời nói của Thần tăng đều ứng nghiệm đầy đủ. Đến tháng mười hai năm ấy, Hoàng Thái tử sai Tán kỵ thị lang là Trương Càn Oai tiến Sư Quán Đảnh về núi, thiết trai đãi cả ngàn Tăng và làm bài văn tôn kính khai quật phần mộ của Sư để xem xá-lợi thì thấy Linh thể bất động như đang nhập định. Đến tháng bảy năm Nhân Thọ thứ tư, Hoàng Thái tử lên ngôi. Tháng mười một, chùa sai Tăng sứ Trí Tảo vào triều chúc mừng.

Đời Tùy Dạng Đế, tháng chín năm Đại Nghiệp thứ nhất, vua xa giá đến Dương châu. Chùa cử sư Trí Tảo đến chúc mừng vua. Đến tháng mười vua tập hội chư Tăng tại điện Đại nha, vua ban cho được ngôi rồi phán rằng: Các Sư và những người hành đạo không nên dung chứa Bắc Tăng và lén độ kẻ xuất gia, giả chết thay nhau. Trí Tảo thưa: Một chùa Thiên thai được Thiên tử che chở, chùa lại có luật lệ không dám chứa khách lạ và lén độ người thay chết.” Vua lại sắc lệnh rằng:

Sư trở về chùa có thể mở lại Linh khám ra tất sẽ có nhiều điều lạ. Đệ tử muốn dựng bia cho thầy tất phải kể các hành trạng. Tảo thưa: “Việc linh dị của Tiên sư không phải ít. Quán Đảnh đã soạn thành một quyển sẽ kính dâng lên bệ hạ.” Vua lại sắc lệnh cho bí thư là Giám Liễu Cố rằng: Trẫm muốn dựng bia cho ngài Trí Giả, nhưng không phải lời văn bia của Khanh, văn của Khanh thì trẫm không vừa ý. Văn bia soạn xong vua bảo chùa khắc lên đá, đại ý nói rằng: Căn cứ vào kinh Nhân Vương An Lạc và các tổ Long Thọ, Mã Minh mà lập ra Tam Quán Tứ Giáo kể rõ bản tông... Vua sắc lệnh cho năm mươi Tăng ở Dương châu lập tên chùa Thiên thai, một là tiêu biểu cho thiên môn, một tiêu biểu cho Ngũ tịnh cư. Tăng sứ Trí Tảo thưa rằng: Thuở xưa thời nhà Trần có Định Quang Thiền sư sau khi ngài viên tịch, ngài Trí Giả mộng thấy Thiền sư bảo rằng: Nay muốn tạo chùa thì chưa đúng lúc, nếu khi ba nước hợp thành một, có người quyền thế lớn tạo chùa cho, nếu chùa hoàn thành thì nước sẽ thanh bình, vậy nên gọi là Quốc Thanh Tự. Vua bảo: Đây là điềm linh của Tiên Sư, liền dùng tên đó. Bèn lấy bảng điện Đại nha dùng loại chữ đại triện của Thư Hoàng mà viết hiệu chùa. Rồi sai Thông Sự Xá Nhân là Lư Chánh Phương vào núi để treo tấm hoành phi ở ngạch chùa. Nhân ngày giỗ là hai mươi bốn tháng mười một độ cho bốn mươi chín Tăng, thiết trai diên đãi một ngàn Tăng. Quan hữu ty xét đủ số một ngàn vị, đến khi thọ trai thì thấy dư ra một người. Ai nấy đều bảo là ngài Trí Giả hóa thân đến thọ nhận Quốc cúng. Sau giờ Ngọ hôm ấy, sứ giả cùng đại chúng mở Linh khám ra xem thì thấy linh sàng trống không. Sứ giả trở về phục mạng. Vua bảo quần thần rằng: Trí Giả là giới sư của Trẫm, trước đây có nhiều việc linh dị, vào đầu năm Nhân Thọ, Trẫm sai Trương Càn Oai đến xem thì khám thất nguyên vẹn, nay Lư Chánh Phương đến thì linh thể không còn thấy nữa. Có lẽ ngài đã biến hóa rồi thực sự đắc đạo. Sa-môn Tuệ Diên ở chùa Thiên hương, ngày xưa có đến Quang Trạch đã từng thắm nhuần pháp vũ, bỗng nghe ngài viên tịch thì nghe ngào thương cảm không nguôi. Muốn biết Trí Giả sinh vào cõi nào nhân đó viết kinh Pháp Hoa để cầu ngài ngầm mách bảo. Lắng tâm nghĩ mãi mấy tuần bỗng nằm mộng thấy ngài Trí Giả theo hầu Đức Quán Âm từ Tây phương đến, quay lại bảo rằng: Hết nghi chưa? Người trong ấp là Mã Thiệu Tống, cắt lúa cúng cho chúng trong chùa trăm bó vì làm việc cực nhọc mà ngã bệnh, nên cầu ngài cứu hộ.

Đêm mộng thấy ngài Trí Giả ngồi kiết già trên giường khói hương mờ mờ như sương, an ủi Thiệu Tống rằng: Nhà nghèo mà bố thí sao

nghe là không có phước?

Lúc đó anh và mẹ vợ vào tối đó cũng mộng thấy y thế. Hương thơm mấy ngày mới tan.

Lại có ông Trương Tạo, tuổi già khập khiễng lên khám lạy và khẩn rằng: Sớm nhờ hương hỏa, nguyện đời sau con được độ thoát.

Chợt nghe trong khám có tiếng khảy móng tay đáp lại. Trương Tạo lại khẩn: “Xin cho thấy lại điềm linh ứng lần nữa”, liền nghe như trước. Có bà lão họ Du tuổi đã chín mươi, đau một chân bị rút ngắn lại suốt mười tám năm. Bà luôn đến khám ân cần cung kính cúng dường, liền có cảm giác chân bệnh được giảm ra và bước đi ngay ngắn. Lại có đệ tử là Pháp Uyển ở chùa Ngọc tuyến tại Kinh châu, đến Giang đô tạo tượng ngài Trí Giả. Khi về đến Giang tân thì tượng chảy mồ hôi, lau khô lại tươm ra nữa. Có kẻ biết cho rằng sắc thân của thầy ở đây không khác. Lúc đó Tiền Trung Ý Vương thỉnh tượng về triều và thụ phong là Pháp Không Bảo Giác Tôn giả (lúc đó là triều Tống nhà Chu). Triều đại ta là Ninh, năm Tông Khánh thứ ba, do kinh môn xin thụ phong thêm cho ngài là Linh Tuệ đại Thiên sư (đều trích từ các văn ở Bách Lục, Biệt Truyện, Cao Tăng Truyện, ba bộ Sơ Ký, Nam Bắc Sử, Ngọc Tuyền Bi, Quốc Thanh Bi và Quan Vương Tử Đường Ký).

Nghĩa Thần Trí nói rằng: Đức Phật ta ra đời tuy nói các kinh, nhưng Bản ý chỉ nói ở Pháp Hoa. Từ sau khi ngài A-nan kết tập, ngài Thiên Thân viết luận tuy nói là kinh chung nhưng chỉ là căn cứ theo văn diễn nghĩa, nêu phần đại lược mà thôi. Đến như ở kinh này thì Đại sự giáo hóa trước sau còn mịt mờ chưa sáng tỏ. Kịp đến các tác phẩm phiên dịch của ngài La-thập truyền sang cõi này thì kẻ chú sở giải thích dị luận càng đông. Chỉ có ngài Trí Giả của ta là bậc nối tiếp ở Linh sơn, chứng ngộ ở Đại tô phát huy diệu chỉ ngầm khen thưởng thừa, dùng năm nghĩa để giải thích đề Kinh, lấy bốn thích làm sáng tỏ Văn cú. Lại hay dùng mười chương diễn bày pháp môn Minh tịch. Do đó mà giải hạnh cùng bày, nghĩa Quán gồm nêu. Có thể gọi đó là tâm cảnh của hành nhân, đèn sáng của đêm đen. Dầu là Đại Luận ở Thiên Trúc còn không phải thuộc loại ấy, há là Sư Tăng ở Chấn Đán này sánh kịp sao (v.v...). Lại giả sử hỏi rằng: Phụ Hành dẫn việc chín Tổ nối nhau, gọi đó là thời Bắc Tề trở về trước không phải là chỗ đời nay nối tiếp. Vả lại Bắc Tề đã dùng Giác tâm trùng quán Tam-muội. Nay vì sao lại bài bác việc tìm giác, đó chỉ là một dấu xe thôi, vậy há không phải là đem ngài Trí Giả ra mà bài xích Bắc Tề ư? Đáp rằng: Diệu Huyền khai diễn mười diệu của Pháp Hoa còn bảo là không dám lấy trung luận mà so sánh. Lại nói:

Đại Luận ở Thiên Trúc còn không phải thuộc loại ấy, là bởi ngài Trí Giả dùng ý của Như Lai mà nói cái diệu của Pháp Hoa, cho nên ngài Long Thọ Bắc Tề cũng không sánh kịp. Nếu Vô Sinh Tông Chỉ, Tam Quán Hạnh Môn kỳ thật là kế thừa Long Thọ, noi dấu Bắc Tề, bảm thụ ở Nam nhạc thầy trò truyền nhau, rõ ràng như đã khế hợp từ kiếp trước... Lại nói rằng: Thiên thai nói về Tam Đế Tam Quán là lấy từ kinh Nhân Vương và Anh Lạc, nói về Tam Trí Tam Đức vốn là Niết-bàn Đại Phẩm. Nghĩa lý và ý chỉ đã dùng thì lấy Pháp Hoa làm xương sống, lấy Trí Độ Luận làm chỉ nam...

Lời bàn: Từ bỏ cái học của Thiên thai mà muốn biết ý chỉ Phật pháp thì chưa đủ để bàn luận. Cho nên từ khi Thánh giáo sang Đông độ, kinh luận khắp truyền nhưng chỉ chuyên việc hiểu tâm mình mà không biết chánh nghĩa. Thời Tề Lương cũng có các bậc hiền tài diễn bày rầm rộ Pháp Hoa, phán giáo lập ngôn, một tiếng nói về bốn tướng, bốn thời luận đủ sáu Tông, các luật chế lộn xộn, lật đổ tranh đoạt nhau, Nam có ba phe, Bắc có bảy nhóm tranh nhau truyền bá đương thời, cũng như hàng Túc Tán Tiểu Vương tự tôn tự đại (Phụ chú: Lúa để trong mâm thì mỗi hạt đều có vị trí, để dụ cho các Tiểu vương) nhưng không biết oai đức của Kim luân bay đi đã thống ngự cả bốn biển. Chỉ có Trí Giả đại Thiên sư của chúng ta là bậc Thánh tài đức siêu quần, đầy đủ cả công đức được coi là người nối nghiệp tổ phụ về đầu mối Tam quán, nhưng chưa phải là nguồn sáng lớn. Do đó đã theo ngộ môn của Pháp Hoa mà nói Đại Đạo Chỉ Quán, lập kinh bày kỹ để làm pháp muôn đời. Đến như việc phá mạn ở Quang trạch thì bao nhiêu kẻ khác đều quy phục, khắp vấn nạn bốn tông khiến nhiều kẻ mất chỗ tựa, tuyên dương Phật pháp thì ngồi yên mà hưởng thái bình. Nếu không phải là Thánh nhân ở đời thì ai mới có thể làm nên nghiệp lớn này được? Vậy muốn biết rõ ý Phật pháp thì chỉ phải học với Thiên thai mà thôi.